

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 353, NĂM THỨ 29

THÁNG 12-2023



Đánh lễ Hòa Thượng Thích NGUYỄN CHỨNG hiệu TUỆ SỸ viên tịch lúc 16 giờ 00 ngày 24 tháng 11 năm 2023

Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TỈNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã về cõi Phật</u>	BBT	3
<u>Cáo Tang Hòa Thượng Thượng Nguyên Hạ Chứng hiệu Tuệ Sỹ viên tịch</u>	Hội Đồng Hoàng Pháp GHPGVNTN	4
<u>Cáo Bạch</u>	Thủ tòa Hoàng Giới VTT GHPGVNTN	5
<u>Chương trình tang lễ</u>	Ban Điều Hành Tang Lễ	6
<u>Di chúc tang lễ</u>	Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ	7
<u>Tiểu sử HT. Thích Nguyên Chứng hiệu Tuệ Sỹ</u>	MĐPQ	8
<u>Thông báo lễ Tưởng niệm HT Thích Tuệ Sỹ</u>	HDHP	14
<u>HT Tuệ Sỹ và GHPGVNTN trong dòng sống của dân tộc và hướng đi của thời đại</u>	Thị Nghĩa Trần Trung Đạo	15
<u>Thơ: Hương ngày cũ</u>	Tuệ Sỹ	18
<u>Pháp Cú: 402 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	18
<u>Thầy Tuệ Sỹ chiến đấu với căn bệnh ..</u>	Q.D. Trần Bảo Toàn	19
<u>Thiền Định một PP biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong ch. ngữ	26
<u>Hư Hư Lục: Mối tình có duyên</u>	Thích Nữ Như Thủy	31

Tranh bìa

Đảnh lễ HT Thích Tuệ Sỹ

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã về cõi Phật.

Mở máy vi tính lên, thấy có điện thư chuyển tiếp từ một người bạn, điện thư ấy thông báo là “Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã về cõi Phật lúc 9 giờ sáng ngày 22-11-2023”. Vì nghĩ là tin quan trọng nhiều người cần biết nên tôi gửi chuyên tiếp cho nhiều người khác, có người trả lời cho tôi biết tin ấy chưa được ở Việt Nam xác nhận. Do đó tôi tìm người gửi ra điện thư báo tin đầu tiên. Người gửi ra điện thư ấy, tôi chưa quen biết, do đó tôi phải tìm địa chỉ điện thư của anh ta để hỏi thêm thông tin, anh ta báo lại Hòa Thượng Tuệ Sỹ sau đó được tiếp khí oxy nên tỉnh lại, nhưng đã vĩnh viễn ra đi lúc 16 giờ ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại chùa Phật Ân huyện Long Thành tỉnh Đồng Nai.

Từ thông tin đó, tôi lên mạng tìm xem những tin tức về tang lễ của Ngài, tiểu sử của Ngài cùng một số hình ảnh.

Tôi biết trước kia, Ngài là Chánh Thư Ký Viện Hóa Đạo, thời Hòa Thượng Huyền Quang là Đệ tứ Tăng Thống, Hòa Thượng Quảng Độ là Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa Thượng Đức Nhuận là Cố Vấn Viện Hóa Đạo. Lúc tôi ở Mỹ về Việt Nam, đến thăm Hòa Thượng Đức Nhuận là Trụ trì chùa Giác Minh, tôi gặp ngay một phiên họp tại phòng Thầy trụ trì Đức Nhuận họp với Thầy Quảng Độ, Thầy Tuệ Sỹ và một vài thầy khác mà tôi chưa biết, quý thầy đang họp đóng cửa ra vào, nên không nghe quý Thầy họp bàn, tôi chỉ đứng ngoài nhìn qua cửa kính rồi chấp tay bái vọng quý ngài rồi ra về.

Sau này có vài lần tôi viếng thăm Thầy Tuệ Sỹ tại Thi Ngạn Am ở Quảng Hương Già Lam, quận Bình Thạnh, Gia Định. Có lúc Ngài ẩn cư ở Bảo Lộc thỉnh thoảng về lại Thư quán Hương Tích nằm trên đường Nguyễn Thượng Hiền cách Quảng Hương Già Lam chừng 1 cây số, nhưng rất tiếc, nơi đây tôi không thăm được thầy, mặc dù tôi có đề danh thiệp nhờ Thầy thị giả Hạnh Viên giúp.

Sau này tôi có biết Thầy đang trú ngụ tại chùa Phật Ân, lần về Việt Nam cuối năm 2022 tôi có dự định đi Long Thành viếng thăm Thầy Tuệ Sỹ, nhân tiện thăm Hòa Thượng Minh Tâm trụ trì chùa Phật Ân và Hòa Thượng Kiến Tánh trụ trì chùa Bửu Lâm, cả 2 vị ấy tôi có quen biết từ thập niên 1960. Nhưng chẳng may tôi bị Covid-19, nên không đi được. Nay được tin Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã về cõi Phật, có nhân mà tôi không có duyên để gặp lại Ngài thật là vô phước.

Cho nên số Nguyệt San này, dành dâng về Ngài Tuệ Sỹ, để tưởng nhớ đức độ của một vị Thiền Sư thời đại được nhiều người ngưỡng mộ.

BBT/NS/PHẬT HỌC

CÁO TANG HÒA THƯỢNG THƯỢNG NGUYÊN HẠ CHÚNG HIỆU TUỆ SỸ VIÊN TỊCH

Trưởng Lão Hòa Thượng
THÍCH TUỆ SỸ,

Húy thượng **NGUYÊN** hạ **CHỨNG**,
đời thứ 44 Dòng Lâm Tế Chánh Tông
và đời thứ 10 Thiên Phái Liễu Quán,
Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ
Viện Tăng Thống GHPGVNTN,
Chủ Tịch Hội Đồng Phiên Dịch
Tam Tạng Lâm Thời,
Cố Vấn Hội Đồng Hoàng Pháp
GHPGVNTN,
đã thuận thể vô thường thân thể thị tịch
tại Chùa Phật Ân, Huyện Long Thành,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam,
vào lúc 16:00 giờ,
ngày 24 tháng 11 năm 2023,
nhằm ngày 12 tháng 10 năm Quý Mão,
trụ thế 79 năm, hạ lạp 41.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư
A Di Đà Phật.



www.hoangphap.org



www.facebook.com/hoangphap21



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VIỆN TĂNG THỐNG**

CÁO BẠCH

- Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, Viện Tăng Thống GHPTVNTN
- Môn đồ Pháp quyền

Thành kính cáo bạch

Đức Trưởng lão Hòa thượng

húy thượng NGUYỄN hạ CHÚNG, hiệu TUỆ SỸ

Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN

thuận thể vô thường thị tịch vào lúc 16h00 ngày 24 tháng 11 năm 2023 (nhằm ngày 12 tháng 10 năm Quý Mão).

Trụ thế : 79 năm, 46 giới lạp.

Tang lễ Đức Trưởng lão Hòa thượng được cung kính cử hành tại Chùa Phật Ân, khu 14, xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Lễ cung thỉnh báo thân nhập kim quan: vào lúc 12h00 ngày 25 tháng 11 năm 2023 (nhằm ngày 13 tháng 10 năm Quý Mão).
- Lễ phụng tống kim quan trà tỳ tại Đài Hòa táng Sa La cử hành vào lúc 08h00 ngày 29 tháng 11 năm 2023 (nhằm ngày 17 tháng 10 năm Quý Mão).

Phụng hành di chúc của Đức Trưởng lão Hòa thượng tân viên tịch: tang lễ cử hành theo nghi thức tâm tang, Ban Điều Hành Tang lễ, Môn đồ Pháp quyền xin không tiếp nhận phúng điếu, liễn đối, hương, hoa.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Thành kính cáo bạch

Phật Ân tự, PL.2567, ngày 24 tháng 11 năm 2023

TL. Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương

Viện Tăng Thống GHPGVNTN

Thủ Tòa Hoàng Giới

Tỳ kheo Thích Đức Thắng





**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
VIỆN TĂNG THỐNG**

**CHƯƠNG TRÌNH TANG LỄ
ĐỨC TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG
thượng NGUYỄN hạ CHỨNG hiệu TUỆ SỸ
Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống
Ngày 25 tháng 11 năm 2023 (ngày 13 tháng 10 năm Quý Mão)**

- 12h00 Lễ cung thỉnh báo than nhập kim quan
- 13h00 Lễ Bạch Phật khai kinh
Lễ cung thỉnh Giác linh an vị, thọ tang
- 15h00 Lễ viếng
- 19h00 Tụng kinh

Ngày 26 - 27 tháng 11 năm 2023 (ngày 14 - 15 tháng 10 năm Quý Mão)

- 4h00 Thỉnh đại hồng chung
- 4h30 Công phu khuya
- 7h00 Lễ viếng
- 10h00 Lễ cúng ngọc - Cung tiến Giác linh
- 14h00 Lễ viếng
- 19h00 Tụng kinh

Ngày 28 tháng 11 năm 2023 (ngày 16 tháng 10 năm Quý Mão)

- 4h00 Thỉnh đại hồng chung
- 4h30 Công phu khuya
- 7h00 Cung thỉnh Giác linh tham lễ Phật Tổ tại Quảng Hương Già Lam, Chùa Phật Ân
- 10h30 Lễ sơ dạ - Cung tiến Giác linh
- 19h00 Lễ Phát nguyện – Hoa đăng cúng dường

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 (ngày 17 tháng 10 năm Quý Mão)

- 7h00 Lễ phát hành
- 8h00 Cung thỉnh kim quan thăng thượng giá
- 9h30 Cung thỉnh kim quan trà tỳ
- 10h30 Lễ cung thỉnh Giác linh an vị
Tạ Phật - Sự hoàn

BAN ĐIỀU HÀNH TANG LỄ

DI CHỨC TANG LỄ

Tôi, Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ, với tâm trí minh mẫn, tự biết thân mang trọng bệnh, để lại Di chúc sau đây cho chư Pháp lữ và hàng đệ tử thực hiện tổ chức Tang lễ theo tâm nguyện của tôi:

1. Kim quan quản tại chùa Phật Ân, Long Thành, Đồng Nai. Tang lễ do HT. Thích Minh Tâm làm Trưởng ban tổ chức.
2. Nếu HT. Thích Minh Tâm tịch sớm, Kim quan quản tại chùa Từ Hiếu, quận 8, Tp. HCM, tang lễ do HT. Thích Nguyên Lý làm Trưởng ban tổ chức.
3. Thỉnh HT. Thích Phước Trí chùa Vạn Phước, Sài Gòn làm sám chủ. Không chấp lệnh.
4. Tang lễ bình thường. Không đọc diếu văn, tiểu sử; không sớ tang, xin miễn phúng điếu, tràng hoa, liễn đối. Tăng ni Phật tử viếng tang chỉ thấp nhang tưởng niệm. Thời gian quản tại chùa tùy theo tình hình an ninh thực tế do Ban tổ chức quyết định.
5. Nhục thân đưa đi hoá táng. Tro bụi nhục thân đem rải ra Thái Bình Dương để được tan theo biển bốc thành mây trời, lang thang khắp cõi hư không:

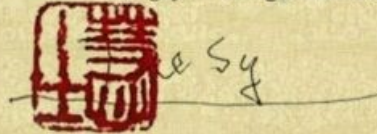
Hư không hữu tận, Ngã nguyện vô cùng.

6. Các đệ tử của tôi gồm:
 - Tỳ-kheo Trưởng tử: Thích Hạnh Viên
 - Và 4 Tỳ-kheo huynh đệ: Thích Hạnh Thật, Thích Hạnh Minh, Thích Hạnh Nguyên, Thích Hạnh Tú,
 - Cùng các Tỳ-kheo ni: TN Hạnh Diệp [Viên Đàn ở Đài loan], TN Hạnh Chi [Diệu Trân ở Mỹ]; TN Hạnh Căn [Thông Tánh], TN Hạnh Thân [Khánh Năng], TN Hạnh Khê [Thông Đạo], TN Hạnh Thọ [Thông Nghĩa]
 - Cùng với HT. Thích Minh Tâm đồng tâm nhất trí chu toàn tổ chức Tang lễ (hoặc HT. Thích Nguyên Lý chùa Từ Hiếu).
7. Những người liên quan việc tổ chức Tang lễ cần nghiêm chỉnh chấp hành thuần tuý theo nghi thức truyền thống Thiền môn.

Bản Di chúc này gồm 07 điều, tuyệt đối không thêm bớt, không sai trái bất cứ điều khoản nào được ghi trong Di chúc này.

Di chúc này được lập vào ngày mùng 05 tháng 8 năm Quý Mão, Phật lịch 2567, tại bệnh viện Quốc tế Mỹ, Tp. Thủ Đức, gồm 04 bản có giá trị như nhau, giao cho: 01. Hoà thượng Minh Tâm; 02. Hoà thượng Nguyên Lý; 03. HT. Thích Như Điển; 04. Thích Hạnh Viên.

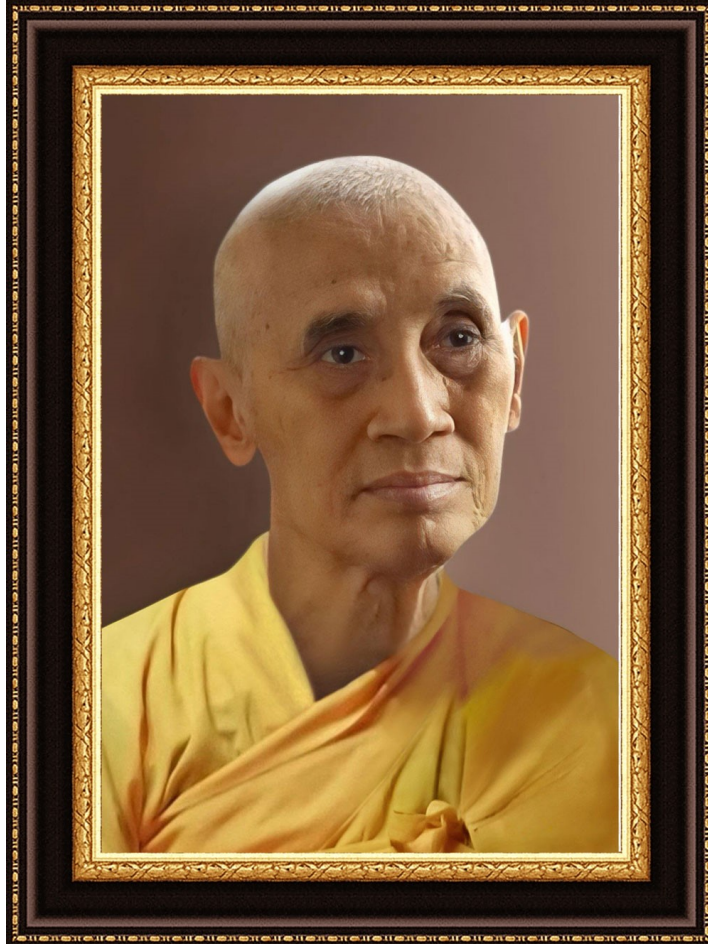
Sài Gòn, ngày 19 tháng 9 năm 2023



Hoà thượng THÍCH TUỆ SỸ

Tiểu sử Hòa Thượng THÍCH TUỆ SỸ

Môn đồ pháp quyến ghi



TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH NGUYỄN CHỨNG

Hiệu: Tuệ Sỹ

Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, thế danh Phạm Văn Thương, sinh ngày 15-2-1943 theo khai sanh (gia đình khai tăng tuổi để thầy đi học), tuổi thật sinh ngày 05 tháng 4 năm 1945 (nhằm ngày 23 tháng 02 năm Ất Dậu), tại tỉnh Paksé, Lào;

Thân phụ: Cụ ông Phạm Văn Phận, Pháp danh Trung Thảo, Thân mẫu: Cụ bà Đặng Thị Chín, Pháp danh Diệu Chánh,

Đồng nguyên quán xã Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình, Trung phần Việt Nam.

Thuở nhỏ Thầy thường được theo mẹ đi chùa làng gần nhà, là nhân duyên để đến lúc Thầy chỉ muốn ở chùa không về nhà nữa. Năm 1952, do chạy giặc, Thầy được cha mẹ gọi lên chùa hành điệu hầu sư phụ là

Hòa thượng khai sơn chùa Trang Nghiêm, làng Tân An, tỉnh Paksé, Lào. Năm **1954, 9 tuổi**, Thầy chính thức được thể phát xuất gia tại chùa này. Đến năm 12 tuổi, vị Trụ trì chùa nhận thấy khả năng và thiên tư đặc biệt của người học trò này, đã khuyên gia đình nên đưa Thầy về Việt Nam để rộng đường tu học. Năm **1960** Thầy trở về Việt Nam, sống xa gia đình tại chùa Bồ đề, một ngôi chùa nhỏ gần cầu Gia Hội, Huế. Hành trang Thầy lúc đó là bộ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh chữ Hán Thầy luôn giữ bên mình, đến năm 1968 do biến cố Tết Mậu thân mới bị lạc mất ở chùa Từ Đàm, Huế. Chú của Thầy là Hòa thượng Thích Trí Quang, một nhà lãnh đạo nổi danh của Phật Giáo trong thập niên 1960, lúc ấy cũng đang sống tại Huế. Tuy vậy với bản tính độc lập, Thầy đã một mình giong ruổi qua các địa phương: Huế, Nha Trang, Sài Gòn, Tiền Giang và các tỉnh miền Nam, tự lập và sống nương nhờ các tự viện lớn nhỏ. Năm **1961, 16 tuổi**, Thầy thọ giới Sa-di với Hòa thượng Thích Hành Trụ tại Sài Gòn. Năm này, Thầy thọ an cư Sa-di giới đầu tiên tại chùa Phật Ân, tỉnh Tiền Giang cùng với thầy Trí Minh. Sau cùng Thầy được Hòa thượng (viết tắt là HT) Thích Trí Thủ nhận về thiền viện Quảng Hương Già-lam ở Gò Vấp, Sài Gòn. Thầy tốt nghiệp Viện Cao Đẳng Phật Học Sài Gòn năm 1964, học tại Viện Đại Học Vạn Hạnh, Phân khoa Phật học niên khóa 1965. Với các bài viết về Thế Thân (Vasubandhu), về A-tỳ-đạt-ma câu-xá luận, HT Thích Đức Nhuận là người đầu tiên phát hiện tài năng của người tu sĩ trẻ, đã giới thiệu Thầy vào Viện ĐH Vạn Hạnh. HT Thích Mãn Giác phó Viện trưởng lúc đó đã đề nghị Viện trao bằng Cử nhân cho Thầy, nhưng Thầy xin phép được từ chối.

Thầy được đặc cách bổ nhiệm Giáo sư thực thụ Viện Đại Học Vạn Hạnh từ năm **1970** nhờ những công trình nghiên cứu Phật học và những khảo luận Triết học có giá trị cao như Đại Cương Về Thiền Quán, do Đại lão HT Thích Đôn Hậu giới thiệu, Liên Hoa ấn quán in 1967, Triết Học về Tánh Không (An Tiêm xuất bản, Saigon 1970), v.v... Sau đó Thầy kiêm Xứ lý Khoa trưởng Phân khoa Phật học tại Đại học này (niên khóa 1972-1973). Thầy tinh thông chữ Hán, biết nhiều ngoại ngữ như Anh, Pháp, Lào, Thái, Nhật, Tây Tạng, thông thạo hai cổ ngữ Pali và Sanskrit. Thầy cũng đọc hiểu tiếng Đức, nghiên cứu kỹ về Heidegger và Hoelderlin. Cuốn *Thiền Luận* nổi tiếng của D.T. Suzuki bản Việt ngữ tập 2 và 3 là do Thầy dịch, in và tái bản nhiều lần từ 1972 đến 1975.

Năm **1973**, HT. Thích Trí Thủ thấy Thầy mãi lo việc nghiên cứu và giảng dạy, Ngài đã đốc thúc Thầy chuẩn bị thọ Đại giới Tỳ-kheo, và Sa-di Tuệ Sỹ đã chính thức thọ giới Cụ túc tại Đại giới đàn Phước Huệ tổ chức tại Phật học viện Trung phần, Nha Trang năm 1973, với HT. Đoàn đầu Thích Phúc Hộ, HT. Yết-ma Thích Giác Tánh, Giáo thọ sư HT. Thích Trí Nghiêm, Thích Huệ Hưng.

HT. Tuệ Sỹ không chỉ uyên bác về Phật Giáo Nguyên Thủy và Đại Thừa, Thầy còn tinh thông triết học Tây phương, văn chương, thơ, âm nhạc. HT nghiên cứu thặng từ nguyên tác của các văn nhân, thi sĩ nổi tiếng của Trung quốc như Tô Đông Pha, Lý Hạ, Đỗ Phủ... Ngoài những khảo luận Triết học và Phật học, HT đã viết tác phẩm đầy thi vị: ‘*Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng*’ (Ca Dao xb, Sài Gòn, 1973). Về âm nhạc, HT chơi đàn guitar, violon, piano, thổi sáo. Thầy tìm hiểu âm nhạc dân tộc, lại rất am tường

nhạc cổ điển Tây phương. HT làm nhiều thơ, viết một số truyện ngắn và các tiểu luận triết học, phê bình văn học đặc sắc, phần lớn đăng trên các tạp chí Khởi Hành (1969-1972) và Thời Tập (1973-1975) tại Sài Gòn. Đồng thời HT cũng là Tổng thư ký tòa soạn Tạp chí Tư Tưởng của Đại học Vạn Hạnh. Tập thơ đặc sắc bằng chữ Hán, ‘Ngục trung mị ngữ’ được HT làm trong tù sau năm 1975, và các tập thơ ‘Giấc mơ Trường sơn’, ‘Những điệp khúc cho dương cầm’, ‘Thiên lý độc hành’ sau này đã được dịch ra Anh, Pháp, Nhật ngữ, phát hành rộng rãi tại hải ngoại.

Từ trẻ HT đã thuộc lòng các bộ Kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Thắng Man, Duy-ma-cật... Duy-ma-cật sở thuyết là bộ kinh nêu cao tinh thần sống đạo mà chẳng cần y áo hay sự suy tôn kiêu cách. Có thể nói, tư tưởng Bồ-tát đạo trong kinh này và bộ kinh Pháp Hoa đã ảnh hưởng suốt cuộc đời tu học và hành Đạo của Thầy. Với kiến thức Phật Học uyên thâm, HT đã viết giảng luận “Huyền thoại Duy-ma-cật”, và đi theo hình mẫu lý tưởng này, HT đã không ngại dấn thân phụng sự, và ngài đã trở thành biểu tượng của sự đấu tranh ôn hòa cho các giá trị nhân quyền và tự do tôn giáo tại Việt Nam.

Năm 1973 HT về Nha Trang làm Giám học Phật học viện Trung phần (tức Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức), do HT Thích Trí Thủ làm Giám Viện.

Năm 1975, HT Tuệ Sỹ đang phụ trách giảng dạy tại Phật học viện Trung phần, Nha Trang. Sau biến cố 30/4/1975, cơ sở này bị đóng cửa, HT về ẩn cư tại một miếu rầy chùa ở ven rừng Vạn Giã, cách Nha Trang chừng 60 km.

Đến năm 1977, HT vào Sài Gòn lánh nạn ở chùa Tập

Thành quận Bình Thạnh. Năm 1978, HT bị nhà cầm quyền bắt giam 3 năm không xét xử (tội cư trú bất hợp pháp), cuối năm 1980 thì được phóng thích.

Do hoàn cảnh mấy năm lang thang và ở tù, nhận thấy giới thể bị ảnh hưởng, có thể không thanh tịnh (*), HT được thọ lại Đại giới Cụ túc tại Quảng Hương Già-lam năm 1982 do HT. Thích Trí Thủ làm đàn đầu, HT. Thích Trí Quang làm tôn chứng, HT. Thích Trí Tịnh làm tuyên luật sư.

Từ năm 1980 đến 1984, HT làm Giáo thọ sư cho khóa đào tạo đặc biệt tại Tu Viện Quảng Hương Già-lam do Trưởng Lão HT Thích Trí Thủ làm Giám Viện.

Tháng 4/1984, HT lại bị bắt cùng Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát và 17 tăng ni, cư sĩ Phật tử. Trong phiên tòa kéo dài nhiều ngày vào cuối tháng 9 năm 1988, không chấp nhận luật sư chỉ định biện hộ mà hai thầy tự biện hộ cho mình, nhà cầm quyền đã kết án TỬ HÌNH hai Thầy Tuệ Sỹ và Trí Siêu vì tội “âm mưu lật đổ chính quyền”.

Do sự tranh đấu tích cực của các nhân sĩ trong và ngoài nước, cùng sự can thiệp của các cơ quan nhân quyền quốc tế, Hà Nội phải vội vã giảm án hai Thầy xuống còn 20 năm khổ sai, đem giam HT tại Xuân Lộc, Đồng Nai, sau đó chuyển riêng HT ra trại A-20 tỉnh Phú Yên. Tháng 10/1994, với sự phản kháng trong tù, HT bị nhà cầm quyền tách đưa ra trại giam Ba sao, miền Bắc. Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ đã được Tổ chức Human Rights Watch trao giải thưởng tranh đấu nhân quyền (Hellman-Hammett Awards) cùng với 7 nhà đấu tranh khác vào ngày 03/8/1998.

Năm 1998, Hà Nội trả tự do cho Hòa thượng, cùng với một số người khác. Trước đó, HT đã tuyệt thực trong tù. Vì trước khi thả, nhà cầm quyền áp lực buộc HT ký

vào lá đơn gửi ông Chủ tịch nước “xin khoan hồng”, HT đã trả lời nội dung: “Chúng tôi đã không công nhận giá trị của phiên tòa này, tính pháp lý của bản án này, các ông không có quyền giam giữ chúng tôi thì sao lại có quyền khoan hồng hay ân xá chúng tôi.” Công an thuyết phục: không viết đơn thì không có lý do để thả được. HT đã khẳng khái đáp: “Đó là việc của các ông; nhưng nếu các ông cứ áp lực buộc chúng tôi ký đơn, tôi sẽ tuyệt thực phản đối.” Và Hà Nội đã phải trả tự do cho HT vào ngày **01/9/1998**, sau 10 ngày Thầy không ăn và tiếp theo cả không uống, tổng cộng 14 ngày. Hòa thượng Tuệ Sỹ tuyệt thực một mình, không có tổ chức, bên ngoài không biết. Thấy sức khỏe HT suy sụp nhanh chóng, chính quyền đã vội đưa bác sĩ vào xin điều trị, và đưa Thầy ra khỏi trại giam.

Ngày **02/9/1998**, lúc 10 giờ 45, Hòa thượng Tuệ Sỹ được đưa lên xe lửa về Nam. Ngồi suốt 36 tiếng đồng hồ trên xe với sức khỏe rất yếu sau khi tuyệt thực trong tù, HT không chịu nổi nên được đưa xuống ga Nha Trang, về tạm ở Phật học viện Hải Đức. Ít lâu sau công an lại ra lệnh HT phải về chùa Già Lam ở Sài-gòn, không được phép ở Nha Trang. Hòa thượng từ chối, viết một lá thư gửi cho nhà cầm quyền, nói “một là tôi tự do ở đâu tôi muốn, hai là vào tù trở lại, chứ mấy ông không thể thả tôi ra khỏi nhà tù nhỏ để nhốt tôi vào nhà tù lớn hơn là cả đất nước này”. Tin này lập tức được loan truyền trên báo chí hải ngoại thời đó.

Trước sau, Hòa thượng đã lãnh một án tử hình, 17 năm tù đầy và ba lần bị quản thúc, trải qua các nhà tù khắc nghiệt khắp nam trung bắc. Tuy nhiên điều đó vẫn không thể thay đổi được một người đã quyết tâm sống trọn vẹn với những giá trị mình đã lựa chọn, và

vẫn giữ được lòng thanh thản bao dung không chút oán hận của Thầy.

Tháng **4 năm 1999**, Hòa thượng Thích Quảng Độ đề cử Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ làm Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN.

Năm **2002**, với trách nhiệm Đệ Nhất Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ là một trong những nhà lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là người đóng góp rất nhiều cùng với nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ trong công cuộc đấu tranh đòi hỏi quyền tự do tôn giáo tại Việt Nam, nhất là quyền phục hoạt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Những lời tuyên bố của người tù lương tâm tôn giáo Thích Tuệ Sỹ tại tòa án, cũng như khí phách kiên cường lúc trong tù, là tấm gương sáng, là niềm tự hào của Phật giáo và của dân tộc: “*Lập trường của chúng tôi là lập trường của Phật giáo, là lập trường của toàn khối dân tộc.*” Đối với Hòa thượng Tuệ Sỹ, sức mạnh của Phật giáo không phải là Chính trị, mà là Văn hóa và Xã hội, trong đó Giáo dục có vai trò rất quan trọng. Nhưng công cuộc giáo dục này phải do Giáo hội độc lập đề ra, không thể chịu sự kiểm soát hay áp đặt của bất cứ thế lực nào, thì mới mong đào tạo ra những thế hệ tăng ni có tài đức để phụng sự xã hội, xứng danh trong hàng Tăng Bảo.

Tiếp đến, đầu tháng **3/2003**, Hòa thượng Tuệ Sỹ khâm lệnh Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, từ nơi bị quản thúc tại Quảng Hương Già-lam, Thầy đã tháp tùng Hòa thượng Thích Huyền Quang ra Hà Nội chữa bệnh và chuẩn bị gặp Thủ tướng đương thời là ông Phan Văn Khải, để yêu cầu ngài Thủ tướng giải quyết

việc đã đình chỉ sinh hoạt của GHPGVNTN từ sau năm 1975, cũng như sự cấm đoán, quản chế không xét xử bản thân Hòa thượng cùng với HT. Thích Quảng Độ và một số Tăng ni, Phật tử khác. Trong dịp này, đại diện ngoại giao của 6 nước thành viên Khối Liên Âu và Hoa Kỳ tại Hà Nội đã chủ động tìm gặp Hòa thượng Tuệ Sỹ, mời Hòa thượng đến thăm, làm việc tại trụ sở ngoại giao của phái bộ Liên Âu ở Hà Nội. Họ đón Hòa thượng đi một mình, không có thị giả, người phiên dịch.

Ngày **01/10/2003**, Hòa thượng đã cùng nhị vị Hòa thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ tổ chức Đại hội bất thường GHPGVNTN tại Tu viện Nguyên Thiều, Bình Định. Sau Đại hội này, hai vị Đại lão Hòa thượng cũng như Hòa thượng Tuệ Sỹ và một số Tăng ni tham dự đã bị nhà cầm quyền quản chế mỗi người một nơi, giám sát chặt chẽ. Tuy nhiên với tinh thần ‘uy vũ bất năng khuất’, Hòa thượng đã sát cánh cùng nhị vị HT Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ ủy thác cho các GHPGVNTN Hải ngoại tổ chức Đại hội bất thường GHPGVNTN tại Tu Viện Quảng Đức, Melbourne, Úc Châu trong cùng năm **2003**. Chính Đại hội này đã công bố đầy đủ nhân sự lãnh đạo Giáo hội trong nước và hải ngoại, và toàn thể Tăng ni Phật tử đã suy tôn Đại lão HT Thích Huyền Quang lên ngôi vị Đệ tứ Tăng thống GHPGVNTN.

Năm **2008**, đức Đệ Tứ Tăng thống GHPGVNTN Thích Huyền Quang viên tịch. Ngôi vị được trao lại cho Đại lão HT Thích Quảng Độ truyền thừa, là Đệ Ngũ Tăng thống GHPGVNTN.

Từ đây, Hòa thượng Tuệ Sỹ được yên tâm dành hết thời gian và sức lực cho công việc trước tác, phiên dịch Phật ngôn, và đào tạo từng nhóm tăng ni đủ trình

độ nghiên cứu Phật học, phiên dịch kinh điển sau này. Trong thời gian này HT đã hoàn thành phiên dịch, hiệu đính 4 bộ kinh A-hàm, kinh Duy-ma-cật sơ thuyết, bộ Luật Tứ phần, các bộ Luận Thành Duy Thức, A-tì-đạt-ma Câu-xá, và nhiều trước tác khác...

Tháng 03/ 2019, Đại lão HT Đệ Ngũ Tăng thống GHPGVNTN dự tri thời chí, biết sức khỏe không còn nhiều, Ngài đã mời HT Thích Tuệ Sỹ đến gặp tại chùa Từ Hiếu, quận 8, Sài Gòn để phú chúc di ngôn và ấn tín của Viện Tăng thống GHPGVNTN, ủy nhiệm Hòa thượng Tuệ Sỹ lãnh đạo, xử lý thường vụ Viện Tăng thống sau khi Ngài viên tịch.

Đến **tháng 02/2020** Đại lão HT Đệ Ngũ Tăng thống GHPGVNTN thuận thế vô thường, an nhiên thị tịch tại chùa Từ Hiếu. Lúc này, HT Thích Tuệ Sỹ đang chữa trọng bệnh tại Nhật Bản và bị mắc kẹt tại đây do đại dịch Covid, không thể về nước.

Tháng **10/2020** ngay khi có lại các chuyến bay thương mại, Hòa thượng là một trong số người đầu tiên về nước, dù lúc đó các bác sĩ Nhật Bản khuyên nên ở lại chữa trị, nếu không thì cuộc sống không thể kéo dài quá 6 tháng.

Qua năm 2021, đại dịch Covid bùng phát trở lại ở châu Á trong đó có Việt Nam, mà nặng nhất là Sài-gòn. Với sự phong tỏa chống dịch nghiêm ngặt của chính quyền, mọi dịch vụ y tế lúc đó bị đình trệ ngoại trừ việc chữa bệnh Covid, tuy nhiên Hòa thượng vẫn kiên trì mạnh mẽ chống chọi cơn bạo bệnh để hàng ngày vẫn ngồi bên bàn dịch Kinh, hiệu đính các tác phẩm, tổ chức sắp xếp thư mục cho công trình phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam được thực hiện theo đúng tiêu chuẩn học thuật quốc tế.

Tháng **11/2021** Ngài chủ trì Đại hội lần thứ nhất của Hội đồng Hoàng pháp, quyết định thành lập Hội đồng Phiên dịch Tam tạng Lâm thời để kế thừa Hội đồng Phiên dịch Tam tạng do chư tôn Trưởng lão Hội đồng Giáo phẩm Trung ương – Viện Tăng thống GHPGVNTN đã thành lập từ năm 1973 nhưng sau đó bị gián đoạn do chiến tranh và nhiều chương duyên khác.

Ngày **03/12/2021** Hội đồng Phiên dịch Tam tạng Lâm thời chính thức được thành lập theo Thông bạch số 11/VTT/VP. Từ đây, công việc phiên dịch, hiệu đính, chứng nghĩa chuyết văn và tổ chức in ấn được đẩy mạnh, thầy thầy đều theo quy củ đã định, để cuối cùng hình thành 29 tập đầu tiên được khởi in trong năm 2022, với công đức dự phần của các bậc Tôn túc cho đến Tăng ni, Phật tử trong và ngoài nước, đặt nền móng cho công trình Đại Tạng Kinh VN chính thức được tiếp nối từ Hội nghị Toàn thể Hội đồng Phiên dịch Tam tạng tháng 10/1973.

Qua năm 2022:

Ngày **21/8**, tại chùa Phật Ân, Long Thành, Đồng Nai, Hội đồng Giáo phẩm Trung ương GHPGVNTN đã suy cử HT. Thích Tuệ Sỹ đảm nhiệm trách vụ Chánh thư ký kiêm Xứ lý thường vụ Viện Tăng Thống.

Tiếp ngày **22/8** tại chùa Từ Hiếu, quận 8, Sài-gòn, đã cử hành lễ truyền trao ấn tín và khai ấn Viện Tăng Thống cho Hòa thượng.

Từ đó, Hòa thượng đã dành hết thời gian và sức khỏe còn lại để chuyên tâm phiên dịch kinh tạng, hiệu đính, chứng nghĩa cho các dịch phẩm của hàng hậu bối.

Những ngày cuối đời, từ giường bệnh, Hòa thượng đã cẩn thận sắp xếp, dọn dò những việc cần làm của GHPGVNTN cũng như công trình phiên dịch Đại

Tạng Kinh Việt Nam cho các Hội đồng, sau đó đã thuận thể vô thường thân thần thị tịch tại chùa Phật Ân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, vào lúc 16:00 giờ, ngày 24 tháng 11 năm 2023, nhằm ngày 12 tháng 10 năm Quý Mão, trụ thế 79 năm, giới laps 46 [*].

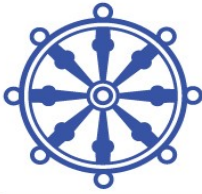
Sự ra đi của Hòa thượng không chỉ là mất mát lớn lao của GHPGVNTN mà còn là niềm đau chung của Phật giáo Việt Nam, cũng như là sự khuất bóng đáng tiếc của một anh tài tinh hoa Dân tộc; nhưng di sản Văn hóa, Giáo dục to lớn mà Hòa thượng để lại xứng đáng làm tư lương tối thiết cho hành giả và học giả muôn đời sau.

Nam mô Từ Lâm Tế Chánh tông tứ thập tứ thế, Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội, Tăng Thống Viện Chánh Thư Ký Xứ lý Thường Vụ, húy thượng NGUYỄN hạ CHÚNG, hiệu TUỆ SỸ, Trưởng lão Hòa thượng Giác linh thù từ chứng giám.

Sài Gòn ngày 24/11 năm 2023

Môn đồ Pháp quyền

[*] Giới laps là lấy số năm thọ Cụ túc làm tuổi; hạ laps là lấy số năm an cư kết hạ làm tuổi. Giới laps của Hòa thượng Tuệ Sỹ nếu tính từ khi thọ đại giới (1973) đến khi viên tịch (2023) là 50 năm; nhưng khi còn sinh tiền, Hòa thượng có căn dặn là trừ bớt 4 năm lang thang bất định và ở tù mà Hòa thượng tự xét là “giới thể có thể bị ảnh hưởng, không thanh tịnh.” Vì lẽ đó, môn đồ pháp quyền phụng mệnh ân sư, chỉ ghi 46 giới laps.



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HỘI ĐỒNG HOÀNG PHÁP**

VP CTK-HĐHP: Chùa Viên Giác, Karlsruhe Str. 6, 30519 Hannover, Germany
Website: www.hoangphap.org | Email: hdhp.ctk@gmail.com | Điện thoại: 49 511 879 630

THÔNG BÁO

Lễ Tưởng Niệm Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Thiền Đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý nhân sĩ trí thức, quý cơ quan truyền thông báo chí, tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam, và chư đồng hương Phật tử,

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN, Chủ Tịch Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, Cố Vấn Hội Đồng Hoàng Pháp GHPGVNTN, đã thuận thế vô thường thân thần thị tịch tại Chùa Phật Ân, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam, vào lúc 16 giờ, ngày 24 tháng 11 năm 2023, nhằm ngày 12 tháng 10 năm Quý Mão, trụ thế 79 năm, 46 giới lạp.

Trước nỗi đau và niềm tiếc thương vô hạn của Tăng, Ni và Phật tử bốn phương đối với sự viên tịch của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Hội Đồng Hoàng Pháp sẽ tổ chức Lễ Tưởng Niệm Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ vào **4 giờ rưỡi chiều Thứ Bảy, ngày 2 tháng 12 năm 2023 tại Tu Viện Đại Bi**, 13852 Newland St, Garden Grove, CA 92844; số điện thoại: (714) 360-5355.

Buổi ra mắt Kỳ Yếu Tri Ân HT Thích Tuệ Sỹ sẽ được thay thế bằng Lễ Tưởng Niệm này, với ngày giờ và địa điểm tổ chức không thay đổi.

Hội Đồng Hoàng Pháp kiên thành đánh lễ cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni, và kính mời quý Thiện Nam, Tín Nữ Phật tử hoan hỷ tham dự Lễ Tưởng Niệm theo ngày giờ và địa điểm nói trên để cầu nguyện Giác Linh Trưởng Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch Cao Đăng Phật Quốc.

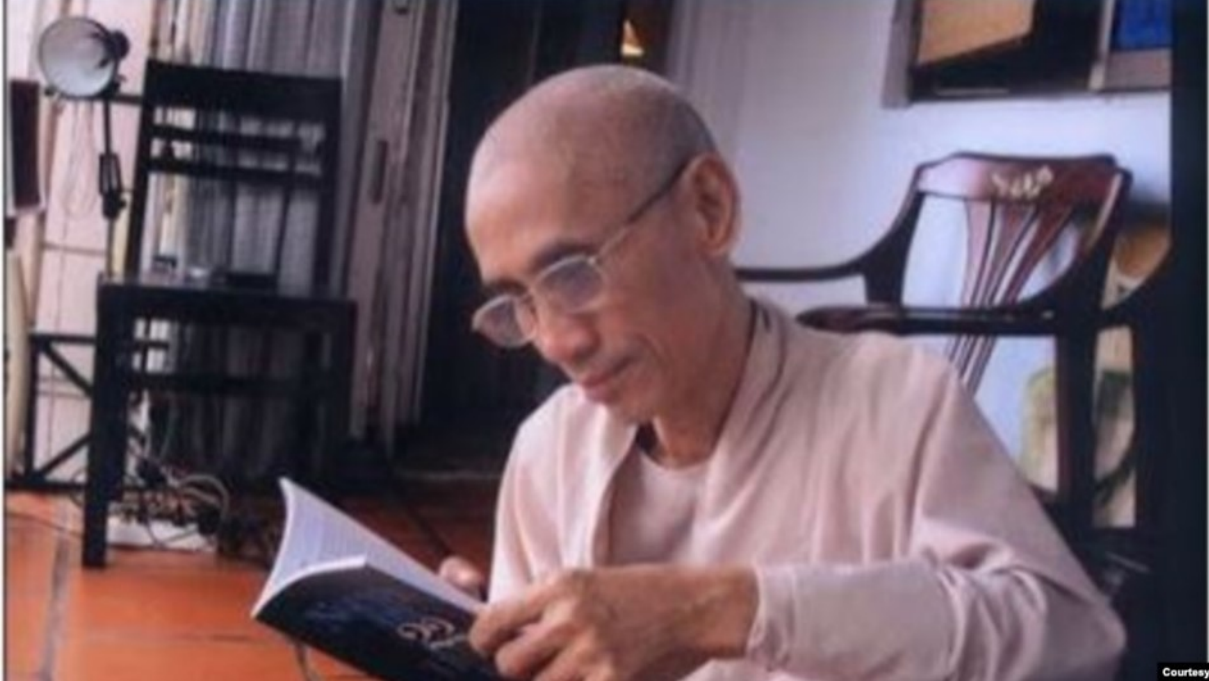
Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Phật lịch 2567, Mỹ Quốc, ngày 24 tháng 11 năm 2023.
Chánh Thư Ký HĐHP, Trưởng Ban Tổ Chức
Tỳ-kheo Thích Như Điền

Phó Thư Ký HĐHP, Phó Ban Tổ Chức Điều Hành
Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

Hoà Thượng Tuệ Sỹ và GHPGVNTN trong dòng sống của dân tộc và hướng đi của thời đại

Thị Nghĩa Trần Trung Đạo



Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN, Chủ Tịch Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, Cố Vấn Hội Đồng Hoàng Pháp GHPGVNTN, đã viên tịch đúng 4 giờ chiều ngày 24 tháng 11 năm 2023, giờ VN. (Hình: Trích xuất từ hoavouu.com)

Hòa thượng Tuệ Sỹ biết mình thân đang mang trọng bệnh. Khó khăn duy nhất mà ngài không thể vượt qua là thời gian. Vì không có đủ thời gian để làm hết những điều mình mong muốn nên Hòa thượng ưu tiên hóa những đề án, những công việc phải làm.

Thị Nghĩa Trần Trung Đạo

Dù đứng từ góc cạnh nào, không ai có thể phủ nhận vai trò và sự đóng góp của Phật giáo vào dòng sống của dân tộc Việt. Đạo Phật là một tôn giáo rất đặc biệt trong nền văn minh nhân loại vì đáp ứng được các khao khát của con người theo từng thời đại không phân biệt màu da hay sắc tộc.

Kinh điển giống nhau nhưng đạo Phật mang sắc thái riêng khi đến mỗi quốc độ để từ đó có Phật giáo Nhật Bản, Phật giáo Trung Hoa, Phật giáo Thái Lan, Phật giáo Việt Nam v.v... Nhưng đạo Phật tại Việt Nam rất khác. Đạo Phật Việt Nam hòa tan trong tâm hồn mỗi con người. Tinh thần Phật giáo bàng bạc trong lời ru của mẹ, lời dạy bảo của cha. Một câu thơ, câu văn được các tác giả viết ra đã có tư tưởng Phật giáo dù tác giả không phải là một tín đồ Phật giáo.

Khi dừng chân tại Việt Nam, đạo Phật không chỉ đem lại cho con người những phương tiện cần thiết để đạt đến giải thoát, an lạc như tại nhiều nơi khác mà còn dung hóa và dung hợp một cách hài hòa vào dòng sống

dân tộc, góp phần quan trọng trong việc xây dựng nền tảng văn hóa, đạo đức của dân tộc và là thành lũy tinh thần để bảo vệ Việt Nam.

Sau nhiều trăm năm bị đóng khung trong tứ thư ngũ kinh Nho giáo rồi Trịnh Nguyễn phân tranh, dân tộc Việt lại phải đối diện với Thực dân xâm lược. Ông bà chúng ta bằng hoàng trước sức mạnh cơ khí của Thực dân. Việt Nam trở thành một thuộc địa của Pháp nhưng tinh thần Việt Nam được hun đúc suốt nhiều ngàn năm không vì thế mà mất đi. Dòng văn hóa vẫn tiếp tục chảy dù phải chảy qua những vách đá cheo leo và có khi phải nhỏ từng giọt xuống trái tim người yêu nước.

Người Việt quan tâm đứng trước hai chọn lựa, (1) đi vay mượn các chủ thuyết ngoại lai, mượn súng đạn của ngoại bang về để “giải phóng dân tộc”, thực chất là thay một hình thức nô lệ này bằng hình thức nô lệ khác, (2) nâng cao nhận thức văn hóa, xã hội, chính trị phù hợp với hướng đi thời đại kết hợp với phát huy nội lực dân tộc để tự khai hóa chính mình thay vì “bị khai hóa” bởi thực dân.

Để tồn tại, vượt qua và vươn lên, chư tổ Phật giáo chọn con đường thứ hai. Con đường đó không phải tìm đâu khác, không vay mượn của ai khác mà trở về và phát huy những tố chất uyên nguyên của dân tộc. Nội dung của hành trình về nguồn đó chính là phong trào chấn hưng Phật giáo bắt đầu vào những năm cuối của thập niên 1920.

Giống như ngài Anagarika Dharmapala (1864-1933), nhà văn và nhà đấu tranh cho nền độc lập Tích Lan, các tổ Khánh Hòa, Giác Nguyên, Khánh Anh, Giác Tiên, Phước Huệ, Tô Liên, Trí Hải... của Việt Nam cũng đã rời những thiền phòng để chống gậy trúc đi vào lòng đất nước. Các ngài lắng nghe nỗi đau của dân tộc, đánh thức tinh thần yêu nước, độc lập tự chủ trong lòng mỗi người

dân Việt để qua đó phục hưng dân tộc bằng phương tiện giáo dục bởi vì chỉ nâng cao nhận thức mới có thể chuyển hóa hai nguồn bạo lực đến từ Tây phương gồm chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa cộng sản.

Con đường chấn hưng Phật giáo như chư tổ vạch ra là một con đường dài, cần nhiều thời gian và đầy khó khăn nhưng là con đường đích thực.

Sau nhiều thăng trầm, gian khó và hy sinh, cuộc hành hương về nguồn cội đó đã dẫn đến sự ra đời của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) vào tháng Giêng, 1964 tại Chùa Xá Lợi, Sài Gòn. “Thống Nhất”, trong ý nghĩa đó không chỉ là một tập hợp mang tính hình thức của 11 giáo phái ký tên trong Hiến chương 1964 mà là bước phát triển cao hơn của một truyền thống đã có từ nhiều ngàn năm.

Được thành lập trong một giai đoạn lịch sử đầy ngộ nhận, GHPGVNTN dễ được hiểu như là kết quả của một biến cố chính trị. Biến cố có thể là “điểm vỡ” để GHPGVNTN được hình thành nhưng các giá trị hàm chứa trong Hiến chương 1964 của GHPGVNTN không đơn giản chỉ là kết quả của việc đổi thay một chế độ.

Từ đó đến nay, GHPGVNTN là nơi giữ gìn các giá trị tinh thần, các truyền thống văn hóa, lịch sử hai ngàn năm và sau này của Phật giáo Việt Nam. Dù bụi phủ, dù rêu phong căn nhà GHPGVNTN vẫn là căn nhà chính danh và chính thống của mọi người con Phật Việt Nam.

Lịch sử của GHPGVNTN từ khi ra đời tháng Giêng, 1964 cho tới khi Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ chính thức đảm nhiệm chức vụ Chánh Thư Ký kiêm Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống đã gần 60 năm với không biết bao nhiêu gian khó.

Đạo Phật tại Việt Nam không chỉ gồm một nhóm nhỏ những tu sĩ bị tha hóa mà chúng ta thường nghe hay thấy tại Việt Nam. Ân

mình trong đám mây đen là ánh sáng của vàng dương trí tuệ và che giấu dưới lớp rêu xanh là những viên ngọc từ bi nhân nhục. Hàng ngàn, hàng vạn tăng sĩ Phật giáo đang âm thầm chuyên tâm tu tập chờ cơ hội đóng góp thiết thực cho đạo pháp và dân tộc. Các bậc Như Lai Trưởng Tử đó đang dâng hiến cuộc đời cho Phật giáo Việt Nam và Dân tộc Việt Nam trong nhiều cách khác nhau trên khắp ba miền đất nước. Họ có thể chưa nghe nhiều về GHPGVNTN hay chưa đứng hẳn về phía GHPGVNTN. Nhưng không sao. Tất cả vẫn còn đó. Một mai khi có điều kiện thuận lợi chư tôn đức tăng ni sẽ gặp nhau trong tinh thần hòa hợp và thanh tịnh tăng đoàn dưới một mái nhà GHPGVNTN.

Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ, Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN viên tịch ngày 22 tháng 2, 2020. Trong di chúc, ngài ủy thác quyền điều hành Viện Tăng Thống cho Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ: “đứng đầu vào vị trí của Viện Tăng Thống bảo đảm tiếp tục sứ mệnh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong tương lai. Tôi hoàn toàn tin tưởng và ủy thác trọng trách này cũng như trao toàn quyền cho Hòa thượng Tuệ Sỹ điều hành mọi hoạt động của Giáo Hội.” (Quyết Định Số T4/QĐ/TT/VTT của Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN)

Tinh hoa và trí tuệ bộc phát trong những ngày tháng cuối đời giúp Đệ Ngũ Tăng Thống nhìn lại con đường giáo hội đã đi qua và thấy rõ hơn con đường trước mắt mà đạo Phật Việt Nam phải hướng tới. Ngài trao trọng trách cho Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ bởi vì, ngoài cơ sở pháp lý là Hiến chương GHPGVNTN và bên cạnh sự thông minh, uyên bác nhiều lãnh vực, Hòa thượng Tuệ Sỹ trước hết vẫn là con người văn hóa và có một tầm nhìn rất xa về tương lai Dân tộc và Phật giáo.

Là một bậc cao tăng dâng hiến cả cuộc đời cho Đạo pháp và Dân tộc, Đại lão Hòa

thượng Thích Quảng Độ biết cuộc vận động chấn hưng Phật giáo từ thập niên 1920 chưa dừng lại mà là một tiến trình liên tục và phải bắt đầu ngay từ nền móng. Đại lão Hòa thượng Thích Quảng Độ tin tưởng rằng dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Tuệ Sỹ một cánh cửa mới sẽ mở ra để GHPGVNTN bước đi cùng thời đại.

Hòa thượng Tuệ Sỹ biết mình thân đang mang trọng bệnh. Khó khăn duy nhất mà ngài không thể vượt qua là thời gian. Vì không có đủ thời gian để làm hết những điều mình mong muốn nên Hòa thượng ưu tiên hóa những đề án, những công việc phải làm. Tất cả chỉ vì một mục đích như ngài viết trong Thông Bạch Thịnh Cử Hội đồng Hoàng pháp: “mang ngọn đèn chánh pháp đến những nơi tăm tối, cho những ai có mắt để thấy, dựng dậy những gì đã sụp đổ, dựng đứng những gì đang nghiêng ngả.”

Nội dung Phật chất chứa đựng trong Hiến Chương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (tu chính ngày 12.12.1973) hoàn toàn không thay đổi nhưng đưa đến cho mọi người ở mọi nơi bằng những phương tiện nhanh chóng chưa từng có nhờ kết quả của cuộc cách mạng tin học cuối thế kỷ 20.

Trong “thế giới phẳng” ngày nay, khoảng cách không gian và thời gian không còn là những trở ngại mà là những tiện nghi cần được tận dụng. Kết quả thấy rõ, chỉ trong vòng chưa tới hai năm Tạng Thanh Văn 29 cuốn trong Tam Tạng Kinh Điển đã được ấn hành và công bố. Kỳ diệu thay! Sau gần nửa thế kỷ ngưng trệ vì nhiều lý do nhưng những lời dạy của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni vẫn tiếp tục chảy vào dòng văn hóa Việt Nam và dòng văn minh nhân loại.

Hòa thượng Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống cũng biết việc mở cánh cửa, dựng lối vào cũng chỉ là phương tiện, đào tạo tăng tài để bước vào cánh cửa đó mới chính là mục

tiêu quan trọng của GHPGVNTN hôm nay và mai sau. Một căn nhà đẹp bao nhiêu nhưng không được gìn giữ, sửa sang, một ngày cũng dột nát và sụp đổ. Truyền thống nêu không biết phát huy sẽ sớm trở thành một thói quen lạc hậu.

Sau thời gian bị bệnh Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN, Chủ Tịch Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời, Cố Vấn Hội Đồng Hoàng Pháp GHPGVNTN, đã viên tịch đúng 4 giờ chiều ngày 24 tháng 11 năm 2023 nhằm ngày 12 tháng 10 năm Quý Mão, Phật lịch 2567 tại Phương Trượng Đường Chùa Phật Ân, Long Thành, Đồng Nai, Việt Nam, trụ thế 79 năm, 41 hạ lạp.

Đại lão Hòa thượng Thích Huyền Quang, Đại Lão Hòa thượng Thích Quảng Độ, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ là ba bậc tôn đức khai sáng một thời đại mới của Phật giáo Việt Nam.

Dù dốc đá cheo leo, dòng Suối Từ vị diệu vẫn chảy dài theo lịch sử dân tộc. Mỗi thời kỳ đều có những bậc cao tăng thạch đức đứng ra chèo lái con thuyền đạo pháp. Công đức của các ngài sẽ không rơi vào quên lãng mà đã nở thành những bông Hoa Đàm làm đẹp con đường hoàng dương Chánh Pháp của đức Thế Tôn.

Nhiều người lo lắng, một mai khi các bậc cao tăng thạch đức của GHPGVNTN viên tịch, các thế hệ tăng sĩ và Phật tử sau này sẽ không biết gì về GHPGVNTN. Xin đừng bi quan. Lịch sử nhân loại đã chứng minh, bạo lực có thể thay đổi một thể chế nhưng không thể xóa đi một nền văn hóa và GHPGVNTN là một phần không thể thiếu của nền văn hóa Việt Nam.

Không một bậc cao tăng thạch đức nào thật sự ra đi. Hành trạng của quý ngài vẫn in dấu sâu đậm trong lòng Dân Tộc và Đạo Pháp. Tác phẩm của các ngài viết, những lời dạy

dò của các ngài sẽ còn mãi mãi. Tiếng dương cầm vẫn réo rắt vọng theo dòng Suối Từ Bi. Đòi người “như sương mai, như ánh chớp, mây chiều” như Hòa thượng viết trong thơ nhưng ngọn lửa tin yêu và hy vọng không bao giờ tắt cho đến khi nào dân tộc Việt Nam còn tồn tại trên mặt đất này.



Hương ngày cũ

Tuệ Sỹ

*Màu nắng xé ôi màu hương tóc cũ
Chiều tro vơ chiều dạt mây hôn tôi
Trời viễn mộng đọa đầy đi mấy thuở
Mộng kiêu hùng hay muối mặn giữa
trùng khơi*

Nguồn: Tuệ Sỹ, Giác mơ Trường Sơn, An Tiêm xuất bản, California, 2002

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

402

*Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.*

Thầy Tuệ Sỹ chiến đấu với căn bệnh ung thư như thế nào? Những ngày cuối cùng của Thầy Tuệ Sỹ

Quảng Diệu Trần Bảo Toàn

LTS: Sáng 23 Tháng Mười Một 2023 (giờ Việt Nam), anh Trần Bảo Toàn – người theo sát Thầy Tuệ Sỹ suốt gần hai tháng nay – cho chúng tôi biết, Thầy Tuệ Sỹ đã được đưa ra khỏi Bệnh viện Quốc tế Mỹ (AIH, quận 2, Sài Gòn) để về chùa Phật Ấn ở Đồng Nai. Tình hình sức khỏe của Thầy như chỉ mảnh treo chuông. Suốt năm năm nay, Thầy Tuệ Sỹ đã chống chọi với căn bệnh ung thư quái ác.

Trong tập “Kỷ yếu tri ân HT Thích Tuệ Sỹ” do Hội đồng Hoàng Pháp vừa ấn hành, anh Trần Bảo Toàn đã kể lại chi tiết quá trình điều trị cũng như ý chí mãnh liệt của Thầy. Saigon Nhỏ xin trích đăng...

Những ràng buộc của thế gian, giữa ngã và ngã sở, khiến chúng sinh vướng mắc vào những hệ lụy kinh người, lặn ngụp trong vũng lầy sinh tử. Sanh ra để báo ân “làm thân trâu ngựa, đền nghì trúc mai” hoặc để trả nợ “Nợ tình chưa trả cho ai, khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan”. Có những người cận kề sinh tử vẫn không an tâm nhắm mắt vì con cháu, vì gia sản, vì những nguyện vọng chưa thành.

Đôi với những “chúng sinh giác ngộ” (Bồ tát) thì sanh và tử là một vec-tor đối chiều, không thể tách rời trong mỗi sát na. Dù biết điều ấy rất rõ, nhưng vì lòng thương tưởng chúng sinh, lắm khi Bồ tát cũng mang nhiều nỗi băn khoăn giữa việc ra đi và ở lại.

Đức Dalai Lama đã nhiều lần nhận đại lễ cầu trường thọ của chúng Tăng và Phật tử Tây Tạng để tiếp tục trụ thế, dù Ngài biết rất tận tường việc ra đi và trở lại nằm trong quy luật “thành, trụ, hoại, không” theo chiều quay của quỹ đạo thời gian, Ngài đã lập lại quy trình này ít nhất 13 lần trong các kiếp cận đại. Thế nhưng, ngày nay ai sẽ lãnh đạo cộng đồng tâm linh Tây Tạng nếu Ngài trở lại vòng tái sanh mới? Chính vì thế Ngài nhận đại lễ cầu trường thọ dù báo thân đã mệt, cơ thể giả tạm đã nhiều phần hư hỏng.

Ở Việt Nam, chúng ta cũng chứng kiến một trường hợp tương tự, đó là trường hợp của Trưởng Lão Hòa Thượng thượng Tuệ hạ Sỹ, vì đại nguyện dẫn dắt chư Tăng, cùng phiên dịch Đại Tạng Kinh ra tiếng Việt cho hàng hậu học về sau, nên thân mang trọng bệnh, tứ đại bất hòa, sinh mệnh chỉ còn mỏng manh như sợi tơ mảnh, nhưng Ngài vẫn kiên trì chiến đấu với bệnh tật trong suốt năm năm qua để hoàn thành hạnh nguyện.

NHÂN DUYÊN VI DIỆU

Tôi có nhân duyên với Thầy Tuệ Sỹ từ năm 1984, khi Thầy bị bắt và Sư Phụ của Thầy là Hòa Thượng Trí Thủ cũng “vội vã viên tịch”. Hòa Thượng Quảng Thạc, trụ trì chùa An Lạc, là Y Chỉ Sư của Thầy Tuệ Sỹ, đến nói chuyện với ông nội tôi về những đại sự kinh hoàng. “Phật Giáo Việt Nam trong hiện tại có hai Thầy xuất chúng, đó là Trí Siêu và Tuệ Sỹ, việc bắt giam hai Thầy ấy là một tổn thất khủng khiếp cho tương lai Phật Giáo cụ a”.

Những ràng buộc của thế gian, giữa ngã và ngã sở, khiến chúng sinh vướng mắc vào những hệ lụy kinh người, lặn ngụp trong vũng lầy sinh tử. Sanh ra để báo ân “làm thân trâu ngựa, đền nghì trúc mai” hoặc để trả nợ “Nợ tình chưa trả cho ai, khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan”. Có những người cận kề sinh tử vẫn không an tâm nhắm mắt vì con cháu, vì gia sản, vì những nguyện vọng chưa thành.

Đối với những “chúng sinh giác ngộ” (Bồ tát) thì sanh và tử là một vec-tor đôi chiều, không thể tách rời trong mỗi sát na. Dù biết điều ấy rất rõ, nhưng vì lòng thương tưởng chúng sinh, lắm khi Bồ tát cũng mang nhiều nỗi băn khoăn giữa việc ra đi và ở lại.

Đức Dalai Lama đã nhiều lần nhận đại lễ cầu trường thọ của chúng Tăng và Phật tử Tây Tạng để tiếp tục trụ thế, dù Ngài biết rất tận tường việc ra đi và trở lại nằm trong quy luật “thành, trụ, hoại, không” theo chiều quay của quỹ đạo thời gian, Ngài đã lập lại quy trình này ít nhất 13 lần trong các kiếp cận đại. Thế nhưng, ngày nay ai sẽ lãnh đạo cộng đồng tâm linh Tây Tạng nếu Ngài trở lại vòng tái sanh mới? Chính vì thế Ngài nhận đại lễ cầu trường thọ dù báo thân đã mệt, cơ thể giả tạm đã nhiều phần hư hỏng.

Ở Việt Nam, chúng ta cũng chứng kiến một trường hợp tương tự, đó là trường hợp của Trưởng Lão Hòa Thượng thượng Tuệ hạ Sỹ, vì đại nguyện dẫn dắt chư Tăng, cùng phiên dịch Đại Tạng Kinh ra tiếng Việt cho hàng hậu học về sau, nên thân mang trọng bệnh, tứ đại bất hòa, sinh mệnh chỉ còn mỏng manh như sợi tơ mảnh, nhưng Ngài vẫn kiên trì chiến đấu với bệnh tật trong suốt năm năm qua để hoàn thành hạnh nguyện.

NHÂN DUYÊN VI DIỆU

Tôi có nhân duyên với Thầy Tuệ Sỹ từ năm 1984, khi Thầy bị bắt và Sư Phụ của Thầy là Hòa Thượng Trí Thủ cũng “vội vã viên tịch”. Hòa Thượng Quảng Thạc, trụ trì chùa An Lạc, là Y Chỉ Sư của Thầy Tuệ Sỹ, đến nói chuyện với ông nội tôi về những đại sự kinh hoàng. “Phật Giáo Việt Nam trong hiện tại có hai Thầy xuất chúng, đó là Trí Siêu và Tuệ Sỹ, việc bắt giam hai Thầy ấy là một tổn thất khủng khiếp cho tương lai Phật Giáo cụ a”.

Nghe Hòa Thượng Quảng Thạc nói thế, tôi tò mò chấp tay thưa: “Bach Ôn, hai Thầy mà Ôn vừa nói xuất chúng ra sao ạ?” “Thầy Trí Siêu đậu ba bằng tiến sĩ tại Mỹ khi mới 26 tuổi. Thầy Tuệ Sỹ là giáo sư cơ hữu Đại học Vạn Hạnh khi mới ngoài hai mươi. Nhưng cả hai người đều làu thông Tam Tạng, cầm kỳ thi họa, triết học Đông Tây Kim Cổ đủ cả”. Hòa Thượng Quảng Thạc trả lời tôi với ánh mắt nhìn vào khoảng không vô định trước mặt và giọng nói hơi lạc đi, tiếc thương người tài gặp nạn. “Con cầu mong sẽ được gặp hai Thầy ấy và bái làm sư phụ”. Một đứa con nít mười mấy tuổi đầu chả nhớ nghĩ gì mà thốt ra như thế.

Những năm đầu của thập niên 90, khi đang là sinh viên tại Đại Học Fribourg, tôi đã tham gia những lần tập hợp hàng trăm ngàn chữ ký để gửi cho Liên Hiệp Quốc và Ân Xá Quốc Tế (Amnesty International) để vận động trả tự do cho hai Thầy.

Ngày 12 Tháng Giêng 2002, tôi chính thức trở thành đệ tử của Thầy Tuệ Sỹ. Thầy quy y, truyền ngữ giới cho tôi tại Thị Ngạn Am, Quảng Hương Già Lam với Pháp danh Quảng Diệu...



Tác giả và con gái cùng Thầy Tuệ Sỹ

CHIẾN BINH BỒ TÁT

Cách đây tám năm, pháp thể của Ôn có những biểu hiện không được khinh an, tôi thiết tha cầu mong ngài nhập viện kiểm tra kỹ lưỡng, nhưng Ôn luôn từ chối. Tôi chỉ có thể xin thân phụ tôi cắt thuốc Bắc để điều chỉnh những khó khăn Ôn gặp phải. Ba năm sau, một buổi sáng sớm tôi nhận điện thoại từ một Phật tử thân tín của Ôn, cô Diệu Liên, báo rằng Ôn đã phải nhập bệnh viện Nhân dân Gia Định với những cơn đau dữ dội. Tôi kinh ngạc vì Ôn mới rời nhà tôi cách đây một tuần để về chùa trong trạng thái bình thường.

Tôi vội vã vào bệnh viện gặp bác sĩ Lê Việt Hùng, người trực tiếp điều trị cho Ôn, để nắm bắt bệnh tình. Bác sĩ Hùng bi quan nói rằng Ôn đã bị ung thư tiền liệt tuyến, di căn qua xương, đã vào giai đoạn cuối, giai đoạn không thể giải phẫu, không thể xạ trị và cũng không còn kịp để hóa trị. Tôi hỏi về phác đồ điều trị, bác sĩ Hùng bảo chỉ có thể dùng thuốc điều chỉnh hormone, thuốc ngăn PSA tăng cao, thuốc chống gãy xương, thuốc giảm đau, thuốc bổ gan do tác dụng phụ của các loại thuốc khác gây ra. Có một liệu trình bá đạo nữa là giải phẫu loại bỏ tận gốc của testosterone, nhưng cả Ôn lẫn tôi đều không đồng ý giải pháp này.

Bác sĩ Lê Việt Hùng – học trò đặc ý nhất của Giáo sư Ngô Gia Hy, chuyên gia hàng đầu thế giới về niệu học – là một bác sĩ tận tụy. Ông đã giúp cho Ôn giảm được những cơn đau, giảm được chỉ số PSA từ 75 xuống còn 6.3, mức gần như bình thường trong vòng một năm thì vấn đề nảy sinh vì kháng thuốc. Loại thuốc chủ chốt là Casodex không còn tác dụng, chỉ số PSA tăng trở lại một cách nhanh chóng. Bác sĩ Việt Hùng gặp tôi và nói đành thúc thủ (bó tay). Ông tiên đoán Ôn chỉ còn từ ba đến sáu tháng nếu không đưa Ôn qua Nhật hoặc Trung Quốc để điều trị bằng tế bào gốc.

Tôi có quen một bác sĩ cực kỳ tài giỏi về điều trị ung thư bằng tế bào gốc, người Hong Kong. Hiện tại ông mở một bệnh viện lớn tại Bắc Kinh, chuyên điều trị cho các quan chức cao cấp và tỷ phú Trung Quốc. Một liệu trình của ông ít nhất là US\$2 triệu. Tôi gọi cho ông trình bày bệnh án của Ôn, ông bảo chữa được và vì ông cũng là Phật tử nên xin điều trị miễn phí cho Ôn. Ông bảo đưa Ôn qua Bắc Kinh, ông cho nhập viện và điều trị ngay. Tôi vô cùng mừng rỡ, chạy ngay đến trình Ôn. Niềm vui chợt tắt khi Ôn không đồng ý qua Bắc Kinh chữa bệnh.

Tôi tìm cách liên hệ với bệnh viện ở Nhật, từ Tokyo đến Osaka và cuối cùng chọn được bệnh viện Đại học Y tế Fujita ở Nagoya. Bác sĩ Kiyoshi Takahara là người chịu trách nhiệm điều trị cho Ôn. Đó là bệnh viện đẹp nhất mà tôi từng biết, phòng trong bệnh viện sang như President Suite của Four Seasons, Ritz-Carlton. Về dịch vụ y tế thì không có gì để phàn nàn, họ chần chuốt tới từng milimet.

Ngày 12 Tháng Mười Hai 2019, Ôn nhập viện. Sau khi nghiên cứu hồ sơ y tế từ bệnh viện Gia Định và tiến hành xét nghiệm lại, bác sĩ Takahara kết luận:

“Bệnh nhân Phạm Văn Thương, 76 tuổi, nghề nghiệp Tu sĩ Phật Giáo, bị ung thư tiền liệt tuyến giai đoạn cuối, di căn qua xương toàn thân, điều trị phác đồ học môn chuẩn nhằm giảm PSA bằng Casodex và Duprelone 3.5mg, do kháng Casodex, PSA tăng trở lại đến 54. Bệnh nhân gây yếu, chỉ định dùng thử Docetaxel, Cabazitaxel trong hai tuần nội trú trong bệnh viện, hoặc điều trị bằng tân dược Abiraterone có thể ngoại trú, tái khám mỗi tháng một lần.”

Để nằm nội trú trong bệnh viện, ngoài chi phí chữa bệnh, phòng nội trú tính thêm US\$ 5,000/ngày. Có lẽ Ôn sợ chi phí hơi nhiều cho đệ tử nên Ôn đã chọn phương án điều trị ngoại trú và dùng tân dược Abiraterone từ ngày 14 Tháng Mười Hai 2019. Ôn đến ở tại từng lâm Đức Lâm, một ngôi chùa lớn, có Hòa Thượng trụ trì người Nhật cực kỳ yêu quý người Việt Nam, luôn đỡ đầu cho các quý thầy cô qua tu học tại Nhật Bản. Nghe thầy Thánh Duyên kể về Ôn, Hòa Thượng trụ trì y áo chỉnh tề đến bệnh viện đón Ôn về bốn tự.

Trước khi Ôn chịu đồng ý qua Nhật chữa bệnh, là cả một quá trình đấu tranh kịch liệt trong nội tâm của Ôn, một cao tăng tri sanh liễu tử, cũng như giữa Ôn và đệ tử. Ôn hiểu rằng có sanh tất có tử, có lão thời có bệnh, có bệnh thì mới chết, có chết mới lại sanh cho đến khi bước vào niết bàn tịch tịnh. Ôn cũng hiểu rằng sở tri và sở học của Ôn còn rất cần thiết cho công trình phiên dịch Đại Tạng, nếu vắng Ôn có thể công trình nghiên cứu có lợi cho tương lai ngàn năm về sau của Phật Giáo Việt Nam bị gián đoạn.

Trọn một đời trau dồi Kinh Điển, hiểu rõ uyên nguyên giáo nghĩa, thông thạo ít nhất 12 ngôn ngữ, trong đó có nhiều ngôn ngữ thuộc tử ngữ, chỉ dùng để nghiên cứu. Ôn

có cách làm nghiên cứu, biên soạn vô cùng khoa học. Mỗi đoạn Kinh văn Ôn dịch đều có cước chú, giải thích so sánh chéo giữa các bản Kinh văn bằng Phạn ngữ, Hán ngữ, Tạng ngữ hay Nhật ngữ, qua đó Ôn hiệu đính lại những chỗ thiếu sót của chư vị dịch giả qua Hán văn như bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) hoặc của ngài Huyền Trang đời Đường.

Các Kinh Điển được Ôn biên dịch, vì thế luôn tránh được những lỗi thông thường như tam sao thất bản, sai lầm vì dựa trên sai lầm của người khác, ví dụ người Hoa không phát âm được chữ R, nên đọc Paris thành *Bālì*, người Việt chúng ta dịch thành Ba Lê, thành ra ta nói ngọng vì người khác nói ngọng. Công trình phiên dịch thiên niên kỷ này chưa hoàn tất và vì những biến thiên của thời đại mà người thừa kế chưa thể có được sở học như Ôn, nên Ôn cần giữ thêm thọ mạng để tiếp tục công việc và ráo riết đào tạo được thêm học trò đủ khả năng kế tục mình. Ôn thường nói rằng trong các học trò của Ôn, cư sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang là học trò số một, vì thời cuộc nên không thể được Ôn trao truyền y bát trọn vẹn, thật là đáng tiếc.

Không phải đệ tử nào cũng hiểu việc trụ thế của Ôn quan trọng thế nào với Phật Giáo Việt Nam trong hiện tại và lâu mãi về sau, nhưng mọi người đều không thể chịu được khi nhìn hình ảnh vị chân sư khả kính, song gây yếu của mình bị những cơn đau như sóng biển vùi dập. Nghị lực thiên định của Ôn rất lớn, nhưng những biểu hiện run bần bật, toát mồ hôi lạnh trên gương mặt của Ngài khiến nhiều người bật khóc.

Mọi người đồng lòng cầu khẩn Ôn đi chữa bệnh, bị ép quá có lần Ôn đã vẫy taxi rồi bỏ đi suốt một ngày. Những người biết chuyện đồ xô đi tìm, song Sài Gòn rộng lớn, 15 triệu

con người chen chúc, biết tìm Ôn nơi nào? Đến tôi muộn Ôn về và đồng ý đi chữa bệnh. Ôn nói: “Nếu bây giờ tôi buông xuôi không chữa bệnh, thì đã phụ lòng mọi người lo lắng, chăm sóc cho tôi suốt thời gian qua, thêm nữa nhân duyên với cõi này chưa dứt, thành ra tôi đồng ý kéo dài thêm thọ mệnh để làm nốt những việc cần làm”.

Ngày 6 Tháng Hai 2020, bác sĩ Takahara tái khám cho Ôn, kết quả hết sức khả quan, PSA đã giảm từ 54 (ngày 14 Tháng Mười Hai 2019) xuống còn 13,7. Ngoài Abiraterone 250mg điều trị ung thư, bác sĩ còn dùng Ranmark để chống gãy xương và Duphereline (Androgens) để điều chỉnh hormone. Nhận được kết quả tốt đẹp như thế, ai cũng rất vui mừng, nghĩ rằng có thể chữa khỏi cho Ôn, tuy nhiên chỉ số men gan của Ôn tăng cao do tác dụng phụ của Abiraterone. Ngoài việc duy trì Abiraterone 250mg, bác sĩ phải tăng cường thuốc bảo vệ gan.

Phác đồ điều trị của bệnh viện Fujita mỗi tháng đều cho kết quả tốt hơn về chỉ số ung thư tiền liệt tuyến PSA, đến Tháng Năm 2020, giữa đỉnh dịch tại Nhật Bản, chỉ số này giảm còn 8,14. Tuy nhiên, tác dụng phụ của Abiraterone khiến gan của Ôn bị ảnh hưởng trầm trọng, các loại thuốc trợ gan của Nhật không cải thiện được tình hình, hiện tượng dị ứng da, nổi mụn nước trên tay chân bắt đầu xuất hiện, tiêu hóa kém hẳn, mệt mỏi kéo dài.

Bác sĩ Takahara phải đổi sang dùng loại tân dược khác là Xtandi (80mg + 40mg), loại thuốc này hòa hoãn hơn nhưng hiệu quả không tốt như Abiraterone. Tháng Bảy 2020, bác sĩ Takahara quyết định tăng liều dùng lên 160mg/ngày. PSA chỉ đứng yên một tháng rồi bắt đầu tăng lên 13,129. Bác

sĩ Takahara rất buồn khi gọi báo tin cho tôi rằng cả hai loại tân dược mới nhất trên thế giới, mắc tiền nhất trên thế giới để chữa trị ung thư tiền liệt tuyến đều đã chịu thua bệnh tình của Ôn.

Tôi hỏi có phác đồ điều trị nào khác không, bác sĩ Takahara trả lời chỉ còn hóa trị, nhưng sức khỏe của Ôn không thể chịu nổi những hóa chất cực mạnh đưa vào cơ thể. Ông khuyên tôi là nên đưa Ôn về Việt Nam sau 10 tháng điều trị tại Nhật Bản, vì có thể Ôn sống thêm được không quá sáu tháng nữa. Nghe giọng tôi buồn thảm vì thất bại của bệnh viện Fujita cũng gần như là không còn cách nào khác, bác sĩ Takahara khuyên tôi nên thử tất cả mọi loại thuốc truyền thống, thuốc Đông y, biết đâu có hiệu nghiệm và có thể Ôn sẽ sống đến khi người ta kiếm ra loại thuốc mới hiệu quả hơn.

Ôn đến tái khám lần cuối cùng tại bệnh viện Fujita vào ngày 12 Tháng Mười 2020, tôi chuẩn bị để Ôn trở về Việt Nam trong một chuyến bay đặc biệt, phải cách ly hai tuần tại bệnh viện FV (Pháp Việt) tại quận 7 Sài Gòn.

Tôi đón Ôn về nhà vào ngày 5 Tháng Mười Một 2020. Tôi đã nhờ tất cả mọi người để liên lạc với các bác sĩ giỏi nhất Việt Nam về tiết niệu, về ung thư, về dinh dưỡng, về nội khoa... để tiếp tục điều trị, nhưng các bác sĩ đều không tự tin mình giỏi hơn bác sĩ Nhật. Chẳng còn cách nào khác, tôi đành nói Ôn dùng lại các loại thuốc cũ bắt đầu từ Casodex, nhưng tăng liều lên.

Tuy vậy, Casodex bị các tế bào ung thư đánh cho thảm hại, sau một tháng dùng lại gấp đôi liều Casodex, chỉ số PSA tăng từ 13,129 lên 25. Tôi lại thưa Ôn dùng thử 320mg Xtandi mỗi ngày, Ôn cũng làm theo, như than ôi

thuốc quá nặng khiến Ôn không còn ngồi dậy nổi, người luôn lơ đờ và muốn sốt. Sau một tháng, PSA không tăng lên, mà còn giảm được xuống 24.9.

Thầy trò đều mừng nói là chắc nó đang lấy đà để xuống, mong Ôn uống tiếp, song giảm xuống còn 240mg cho đỡ mệt. Sau hai tháng nữa, bệnh viện FV gọi cho tôi báo kết quả thử máu, tôi hỏi ngay PSA là bao nhiêu: 29! Tôi ôm đầu chán nản, nhất là khi nhìn hình ảnh Sư Phụ chịu khổ. Những cơn đau lại trở dậy, để giảm đau, thay vì sáu tháng truyền một liều, liều lượng sử dụng thuốc tráng xương Zometa giờ chỉ còn bốn tuần một liều. Mỗi lần truyền xong, Ôn lại cần ít nhất ba ngày để có thể ngồi dậy.

Đọc lại toàn bộ báo cáo y học của Ôn từ khi phát hiện di căn, bác sĩ Nguyễn Ngọc Lễ, Phó trưởng khoa tiết niệu của bệnh viện Nhân dân Gia Định quyết định cho Ôn sử dụng liều thuốc mạnh Zytiga [tên khác của Abiraterone (4 x 250mg) = 1000 mg/ngày].

Theo bác sĩ Lễ thì thuốc này sẽ phát huy tác dụng, chưa bị kháng, tuy nhiên vì quá tổn hại gan nên bác sĩ Takahara đã phải cho ngưng. Suy nghĩ của bác sĩ Lễ là có cơ sở, nhưng với 250 mg/ngày, Ôn đã chịu không nổi, bây giờ dùng đến 1000mg, không biết làm sao cứu nổi buồng gan của Ôn.

Tôi đã có những đối thoại gay gắt với bác sĩ Lễ về liều lượng thuốc dùng đến mức ấy. Bác sĩ Lễ nhất định giữ nguyên chủ ý của mình, cuối cùng để bảo vệ gan cho Ôn, tôi đã nhờ người nấu cao nhụy hoa Atiso thuần túy của Đà Lạt, mỗi ngày Ôn uống hai muỗng canh cao đẳng ngắt này, nên có uống đến 1000 mg Zytiga chỉ số gan của Ôn vẫn rất ổn định. (Lưu ý trên thị trường có bán nhiều cao Atiso nấu sẵn, nhưng cao

ấy nên cẩn thận khi sử dụng, vì có người nhờ cả cây, nấu tuốt thân gốc rễ và cho thêm thuốc ngủ vào cho có hiệu nghiệm để bán ra thị trường. Ta cần khoảng 100 kg nhụy hoa Atiso để có thể nấu ra một kg cao đặc dùng cho Ôn như tôi đã trình bày ở trên).

Sau hai tháng dùng 1000mg Zytiga/ngày, kết hợp cao Atiso, tình trạng của Ôn lại tiên triền tốt, chỉ số PSA xuống còn 21, gan ổn định, ngủ ngon. Tuy nhiên, các cơn đau trong xương đùi có vẻ dồn dập hơn trước, Ôn bị sốt thường xuyên hơn. Sau tám tháng cầm cự với Zytiga liều cao, chỉ số PSA tăng lại, Zytiga chính thức bị kháng.

Có một việc tôi cũng cần nhắc đến là trong suốt những năm tháng lâm trọng bệnh, Ôn càng ráo riết làm việc chăm chỉ hơn, Ôn làm việc xen giữa các cơn đau, cơn sốt. Ôn dạy học, Ôn dịch Kinh, Ôn viết những thông điệp gửi cho tứ chúng và Ôn cũng dành thời gian chỉ dạy các con tôi. Ôn luôn nói rằng thời gian của Ôn không còn nhiều, vậy nên Ôn phải gấp rút làm những việc cần làm trước khi về với Phật.

Vì xót Ôn, xót cho sức khỏe mòn mỏi của Ôn, nên tôi đã nhiều lần tranh luận quyết liệt việc Ôn muốn trở về chùa dạy chúng. Thậm chí có lúc hai thầy trò giận nhau vì tôi không cho Ôn đi gặp Thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát ở Gò Xoài, mà đã tự ý mời Thầy quá bộ ghé thăm Ôn. Nhưng rồi mọi việc đều qua đi, Ôn vẫn thương quý tôi như người con trai vất vả của mình.

Tôi nói chuyện với bác sĩ Lê Trọng Phát, Chủ tịch Hội đồng Y khoa FV, người thừa

hường tất cả tinh hoa của y học Tây Phương từ ngoại khoa đến nội khoa. Ông sống, học tập, nghiên cứu và chữa bệnh tổng cộng 46 năm ở Cộng Hòa Liên Bang Đức. Bác sĩ Phát cho rằng phải thay đổi chiến thuật trị bệnh cho Ôn, chúng ta phải đổi từ điều trị nguyên nhân, qua điều trị triệu chứng.

PSA tăng cao là chỉ số nguyên nhân sinh ra ung thư tiền liệt tuyến, trước đến giờ chúng ta chuyên dùng đủ mọi cách để hạ PSA. Nay tất cả các loại thuốc chữa ung thư tiền liệt tuyến đều đã bị kháng, ta phải đổi qua chữa triệu chứng đau nhức, triệu chứng gây sốt, triệu chứng gây ra gãy xương.

Chính vì vậy, bác sĩ Phát chỉ định cho Ôn xạ trị khu trú (located radioactive treatment) ở xương đùi bên phải, rồi sáu tháng sau xạ trị xương đùi bên trái. Bác sĩ Phát cũng gợi ý để tôi gửi mua nọc bọ cạp xanh của Cuba mang về bào chế với nọc rắn xanh cực độc để điều trị ung thư xương (di căn). Chiến thuật điều trị triệu chứng mang lại những kết quả như ý, những cơn đau thừa dần rồi bớt hẳn. Bộ xương của Ôn trở nên cứng cáp hơn, các bác sĩ đều đồng thuận là Ôn không còn nguy cơ gãy xương gây ra tử vong nữa. Ôn có thể làm việc được nhiều hơn và chất lượng cuộc sống qua đó được nâng cao.

Đã năm năm, trải qua muôn vàn khó khăn vất vả, đau đớn chịu đựng, nhờ nghị lực phi thường của Chiến Binh Tuệ Sỹ, Ôn đã hoàn thành được khá nhiều những công việc cần làm. Đỉnh cao nhất trong thời gian qua là xuất bản được 29 cuốn Thanh Văn Tạng và rất nhiều cuốn sách khác sắp sửa được phát hành.

Không ai có thể phủ nhận được những nhân duyên thù thắng trong quá trình tìm kiếm thuốc men, sự nhiệt tình của các bác sĩ tài ba

tại Việt Nam và Nhật Bản, sự chăm sóc tận tụy của quý thầy thị giả như thầy Nguyễn An, thầy Quảng Ngô, cũng như Ni sư Thông Thắng, thầy Thánh Duyên. Không ai có thể ngờ rằng Ôn Tuệ Sỹ đã dùng ý chí kiên định, quật cường của mình mà trụ lại thế gian thêm năm năm vừa qua.

Bài viết này hình thành khi tôi đã đưa gia đình trở về Thụy Sĩ định cư, thời gian tôi rời Việt Nam cũng rơi vào thời gian an cư kiết hạ của quý thầy. Một người nghiêm cẩn giới luật như Ôn luôn khiến tôi lo âu vì lỡ trong thời gian an cư lại xảy ra sự cố về sức khỏe mà Ôn nhất định không chịu nhập viện để điều trị. Nỗi lo của tôi đã thành sự thật, khi xuất hạ, lượng hồng huyết cầu của Ôn giảm xuống dưới 50% và bị viêm phổi nặng. Trở về nhìn Sư Phụ tiêu tụy xanh xao, tôi van nài Ôn nhập viện ngay. Cuộc chiến cam go ngộp thở, tranh giành sự sống hàng ngày lại tiếp diễn.

Tôi cầu chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hộ Pháp, chư Thiên từ bi gia hộ cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ pháp thể được khinh an, tứ đại điều hòa trở lại.

Thụy Sĩ, Trung Thu 2023

Trích: Kỷ yếu tri ân HT Thích Tuệ Sỹ | Hội đồng Hoàng Pháp ấn hành tháng 10/2023. Sách có thể mua tại Amazon.



*Thầy
Tuệ Sỹ
và
tác giả
Trần
Bảo
Toàn*

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyên ngữ

Chương VI

Trước ngưỡng cửa Giác ngộ

- Bài 37 - Trước ngưỡng cửa Giác ngộ
- Bài 38 - Dhyana paramita hay sự hoàn hảo của thiền định
- Bài 39 - Dhyana thứ hai
- Bài 40 - Bốn dhyana phi hình tướng
- Bài 41 - Các cửa ngõ mở vào sự giải thoát
- Bài 42 - Prajña paramita hay sự hiểu biết siêu việt về hiện thực
- Bài 43 - Prajña hay năm thể dạng trí tuệ

Bài 37

Trước ngưỡng cửa Giác ngộ

Sau khi nêu lên sự kết hợp giữa các phẩm tính *dana* (lòng hào hiệp) và *sila* (đạo đức) (*chương IV*), cũng như giữa *kshanti* (sức chịu đựng) và *vīrya* (nghị lực) (*chương V*) trong cuộc sống, sự nghiệp và cả trong các cảm nhận tâm linh của người Bồ-tát, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu thêm một cặp tương phản khác tinh tế hơn nhiều là *dhyana* hay thiền (meditation) và *prajna* hay trí tuệ (wisdom). Khi hai phẩm tính này được nâng lên cấp bậc hoàn hảo (paramita) thì sẽ đưa chúng ta trực diện với ngưỡng cửa của sự Giác ngộ và sự hoàn thành của thể dạng Phật tính (Bodhicitta) (*dhyana là tiếng Phạn, tiếng Pali là jhana, tiếng Hán là "thiền" / 禪, còn gọi là "định" "thiền định" hay "thiền na", là thể dạng tập trung và lắng sâu của tâm thức, thường hiện lên trong những lúc hành thiền*).

Ở cấp bậc thật tinh tế đó của sự cảm nhận, tất cả ngôn ngữ mà chúng ta sử dụng, cũng như các thuật ngữ và hình ảnh mà chúng ta tìm cách nắm bắt (*apprehend / lĩnh hội*) sẽ vụt trở nên trong sáng và sâu sắc một cách lạ thường.

Ngôn ngữ của tư duy và ngôn ngữ của hình ảnh

Thông thường chúng ta có hai phương cách chủ yếu đề trao đổi với nhau về sự hiểu biết: phương cách thứ nhất là ngôn ngữ của tư duy, các khái niệm, có nghĩa là các sự phân tích mang tính cách lý luận; phương cách thứ hai là ngôn ngữ của hình ảnh, các khuôn mẫu (archetype), huyền thoại (myth), cũng như các biểu tượng (symbol) (*tóm lại: cách thứ nhất là trực tiếp chuyển các "ý nghĩ", sự "hiểu biết" cũng như các sự "nhận định" của mình trở thành âm thanh dưới hình thức ngôn từ hay lời nói để người khác "nghe" và cùng hiểu giống như mình; cách thứ hai là mượn các "hình ảnh" dưới hình thức "biểu trưng" để người khác "nhìn" vào đó mà hiểu những gì mình muốn nói*). Đức Phật thuyết giảng bằng cả hai phương cách đó, và theo truyền thống từ xưa thì cả hai phương cách này vẫn còn được tiếp tục sử dụng để giảng dạy đến nay, và cả hai cùng giữ một tầm quan trọng ngang nhau. Ngôn ngữ khái niệm đánh thức trí thức tức là trí thông minh mang tính cách lý luận (*rational intelligence / sự hiểu biết trong lãnh vực lý trí và sự hợp lý*), trong khi đó ngôn ngữ hình ảnh, cụ thể, trực tiếp và sinh động hơn, lại có xu hướng tạo ra cho chúng ta những xúc động ở các cấp bậc sâu sắc hơn, chạm vào những nơi thật sâu kín bên trong tiềm thức mình (*chẳng hạn như phát biểu câu sau đây: "hành động sẽ trở thành một nguyên nhân, và nguyên nhân sẽ đưa đến kết quả", thì đây là hình thức ngôn từ khái niệm; khi trông thấy pho tượng của Bồ-tát Quán thế âm thì cảm thấy các xúc cảm từ bi dâng lên trong lòng mình, trong trường hợp này chân dung của vị Bồ-tát tạo ra các xúc cảm là ngôn từ hình ảnh*).

(*Tác động của ngôn từ hình ảnh quan trọng không kém so với ngôn từ tư duy và khái niệm, thế nhưng không mấy khi chúng ta lưu ý. Vậy chúng ta hãy thử nêu lên một vài thí dụ cụ thể, chẳng hạn như trường hợp các xúc cảm luyến ái hiện ra bất ngờ giữa một người nam và một người nữ, người ta thường gọi các xúc cảm đó là "tiếng sét ái tình", vậy điều đó có nghĩa là gì? Trước hết đó là một ngôn*

ngữ hình ảnh. "Hình ảnh" một gương mặt hay bóng dáng của một cá thể chạm vào một nơi thật sâu kín bên trong tiềm thức - Phật giáo gọi thể dạng vô thức sâu kín đó là *ayanavinnana / a-lại-da-thức* - của một cá thể khác, tạo ra những xúc cảm mang tính cách bám víu thật mạnh hiện lên trong tâm thức của một trong hai cá thể. Các xúc cảm đó liên hệ mật thiết đến *karma / nghiệp* quá khứ của cá thể ấy, khiến cá thể ấy tiếp tục vướng mắc trong thế giới hiện tượng. Nếu "tiếng sét ái tình" cùng đánh gục cả hai cá thể, thì những gì xảy ra sau đó là kết quả mang tính cách "cộng nghiệp" của hai cá thể ấy. Chúng ta hãy nêu lên một vài thí dụ khác, chẳng hạn khi trông thấy một nắm mồ bỏ hoang thì hình ảnh ấy sẽ có thể khiến chúng ta cảm thấy rất thương cha mẹ mình đã qua đời; hoặc một người tu tập khi trông thấy làn khói của một nén hương trên bàn thờ Phật, thì cũng có thể khiến mình cảm nhận được một chút hương vị của sự thanh thoát hay một thoáng xúc cảm nhẹ nhàng của sự giải thoát. Trong cuộc sống thường nhật, nghệ thuật quảng cáo tận dụng ngôn ngữ hình ảnh, chẳng hạn như kèm chung các hình ảnh phụ nữ hở hang, hay các thanh niên khỏe mạnh, kể cả các hình ảnh dâm ô với các món hàng quảng cáo, cách ghép hình đó là để kích động bản năng truyền giống của người xem để lôi cuốn sự chú ý và đồng hóa bản năng truyền giống của họ với món hàng quảng cáo. Các trường hợp trên đây cho thấy tác động cùng khắp của ngôn ngữ hình ảnh trong cuộc sống thường nhật, vì vậy người tu tập phải thật cảnh giác hầu giúp mình biết chọn những ngôn từ hình ảnh nào tích cực và phù hợp hơn với cuộc sống mà mình đã chọn)

Trong lãnh vực trí thức và trên phương diện lịch sử, Phật giáo là một tín ngưỡng vô cùng minh bạch, lương thiện, phản ánh một nền tư tưởng thật vững chắc (*lusty, forceful / mãnh liệt, cường mạnh*) Thế nhưng trên thực tế, vấn đề là hầu hết chúng ta thì lại không tìm cách phân tích kỹ lưỡng thực trạng [của Phật giáo] và những lời chỉ dẫn được nêu lên [trong giáo lý đó] hầu mang lại cho mình một sự nhận định minh bạch. Chúng ta có xu hướng chạy theo các linh cảm (*presentiment, suspicion / các sự phỏng đoán mơ hồ*), các thông tin vụn vặt, các mâu thuẫn biết [rời rạc], để rời rạc thể mà bày ra đủ mọi hình thức nhận định thật kỳ quái (*câu này không khỏi khiến chúng ta nhìn lại cách tu tập của mình, gồm hầu hết là các phương tiện thiện xảo, đôi khi không liên hệ gì nhiều đến sự minh bạch, lương thiện và cương quyết của giáo lý Phật giáo*)

Là người Phật giáo chúng ta nên khuyến khích nhau cùng suy nghĩ một cách minh bạch, không nên chỉ biết tìm dịp để thổi phồng các chi tiết nhỏ nhặt, hoặc bói móc những chuyện nghịch lý, mà phải luôn ý thức những gì mình nói ra. Khi sử dụng một thuật ngữ nào thì phải thật sự hiểu được ý nghĩa của thuật ngữ ấy là gì? Nếu đây là những từ dịch từ tiếng Pali hay tiếng Phạn, thì mình có nhận định được mức độ chính xác của các từ ấy hay không? Ngay cả đối với các từ trong tiếng mẹ đẻ của mình cũng vậy, chúng ta phải tự hỏi xem có chắc rằng mình đã hiểu được chính xác ý nghĩa của các từ ấy hay không?

Trong các tự điển đây rầy những cách giải thích thật bất ngờ cần phải cảnh giác. Chúng ta nào có phải ai cũng là người trí thức đâu, vì thế mỗi khi sử dụng ngôn từ để nói lên một điều gì thì cũng nên giữ sự minh bạch và chính xác (*chẳng hạn không nên sử dụng các thuật ngữ tiếng Hán để thuyết giảng Phật giáo cho những người Việt Nam thuộc các thế hệ ngày nay, bởi vì đôi khi chính mình cũng không thấu triệt được các thuật ngữ đó, huống hồ trong xã hội ngày nay không mấy người được thừa hưởng nền giáo dục Hán ngữ như trước đây nữa*), nếu không thì chúng ta chỉ toàn nêu lên các ý niệm mơ hồ và lầm lẫn. Nếu thiếu cảnh giác thì quả khó cho chúng ta tránh khỏi hiểm họa rơi vào chủ nghĩa trí thức (*intellectualism*). Chỉ cần một tư duy thiếu cảnh giác cũng đủ ngăn chặn sự phát triển tâm linh của mình. Thật vậy sự quán thấy xuyên thấu và siêu nhiên (*vipassana*) hoàn toàn thoát khỏi các tư duy khái niệm; thế nhưng sự quán thấy đó cũng không hiện ra một cách vô có, mà phát sinh từ các cách diễn đạt khái niệm của Dharma (Đạo Pháp). Chẳng hạn như suy tư về "khái niệm" vô thường sẽ giúp chúng ta quán nhận được "sự thật" về vô thường (*có nghĩa là trực tiếp cảm nhận được bản chất vô thường của hiện thực không nhờ vào một sự suy tư hay lý luận nào cả. Suy tư về một khái niệm nào đó là một hình thức "lý luận", quán nhận được sự thật là một sự "cảm nhận" tự nhiên, trực tiếp và đột phát*). Sự hiểu biết trí thức hiện lên trước nhất, tương tự như một bàn đạp (*springboard*) [giúp mình nhảy vọt] (*sự hiểu biết trí thức qua các hình thức lý luận và các khái niệm sẽ giúp mình mở rộng trí thông minh, tạo cho mình một cái đà để quán thấy hiện thực*).

Quá trình suy tư trên đây sẽ đưa đến một khái niệm tinh tế và chính xác, chẳng hạn như khái

niệm sunyata (sự trống không hay "Tánh không"), đó là một cách truyền đạt thật độc đáo của Đức Phật về sự cảm nhận siêu nhiên (*transcendental experience, có thể hiểu như là một sự quán thấy hay nhận thức siêu việt*) của Ngài (chẳng hạn như sự cảm nhận về bản chất trống không của mọi hiện tượng là một sự "quán thấy" vượt lên trên tất cả mọi sự "diễn đạt", "khái niệm", "ngôn từ" và "lý luận". Chúng ta thường chỉ nhận thấy sự trống không - sunyata - của các hiện tượng đang chuyển động trong thế giới, thế nhưng lại không hề ý thức được là ngôn từ, ý niệm, tư duy và cả các xúc cảm bên trong tâm thức mình cũng như của kẻ khác, tất cả cũng đều trống không như vậy. Sự trống không đó của thế giới hiện tượng và của sự hiện hữu là một sự cảm nhận siêu việt và phi thường của Đức Phật, và Ngài đã truyền đạt sự cảm nhận đó cho chúng ta). Vì thế phải làm thế nào để tái tạo được cho mình sự cảm nhận siêu nhiên đó, trong khi chính sự cảm nhận ấy cũng chỉ là một hình thức biểu lộ phát sinh từ một công thức mang tính cách khái niệm (*conceptual formulation / có thể hiểu là một sự diễn đạt hay diễn giải dựa vào hay căn cứ vào một khái niệm. Câu trên đây có nghĩa là sunyata là một sự cảm nhận siêu nhiên thế nhưng nó cũng là một sự biểu lộ từ một sự nhận định mang tính cách khái niệm về sự hiện hữu và thế giới hiện tượng*), trừ trường hợp đã hoàn toàn nắm vững được thật chính xác bản chất của sự biểu lộ mang tính cách khái niệm đó (*thí dụ nhận thấy sự chuyển động của các hiện tượng là một sự "diễn đạt", sự diễn đạt đó sẽ giúp mình "quán thấy" bản chất vô thường của thế giới, sự quán thấy đó là một "khái niệm"; khái niệm đó sẽ giúp chúng ta "cảm nhận" được sự trống không của sự hiện hữu của tất cả mọi hiện tượng. Đó là quá trình chuyển sự hiểu biết trí thức xuyên qua khái niệm đưa đến một sự cảm nhận siêu nhiên*).

Phương pháp giúp đạt được sự quán thấy sâu xa

(*Sự quán thấy sâu xa hay xuyên thấu, tiếng Pali là vipassana, là một thể dạng thiền định đưa đến một sự hiểu biết sâu rộng và chính xác dựa vào sự quán xét. Sự quán thấy sâu xa đó là một thể dạng cảm nhận hiển hiện sau khi đã thực hiện được thể dạng thiền định trước đó gọi là samatha, tức là thể dạng bình lặng, thanh thản và thăng bằng của tâm thức, thể dạng tâm thức này cũng thường được gọi là "chánh niệm" trong kinh sách tiếng Hán*)

Phương pháp thông thường nhất mang lại sự quán thấy sâu xa là cách suy tư về một công thức (*sự lập luận hay diễn đạt*) mang tính cách khái niệm nêu lên sự quán thấy sâu xa (vipassana) của chính Đức Phật, hoặc của một vị đệ tử của Ngài. Nếu suy tư với một tâm thức thật cô đọng (*tập trung, thăng bằng còn gọi là "chánh niệm"*) về một công thức (*formulation / một sự diễn đạt*) nào đó mà chúng ta hiểu được một cách minh bạch, thì tất chúng ta sẽ nhận thấy được nội dung (content) siêu nhiên của nó.

Nếu muốn thực hiện được sự thật của vô thường thì cũng chỉ cần nhìn vào một chiếc lá đang rơi. Trên thực tế, phải chẳng điều đó cũng có thể thực hiện được [dễ dàng]? Thế nhưng phải làm thế nào để chuyển sự cảm nhận đó trở thành một sự thật toàn cầu về bản chất vô thường? Tất nhiên không phải chỉ cần trông thấy một chiếc lá rơi là đủ, mà phải trông thấy một chiếc lá khác, và thêm một chiếc lá khác nữa, trước khi có thể nhận thức được tất cả các chiếc lá đều phải rơi. Người ta không thể nào thực hiện được điều đó bằng cách trông thấy một chiếc lá rơi mà tâm thức phải trải qua một quá trình mang tính cách khái niệm.

Chúng ta có thể phát động được một sự quán thấy sâu xa bằng cách nhìn vào ảnh tượng của Đức Phật hoặc một vị Bồ-tát, thế nhưng phải hiểu được hình ảnh đúng với chủ đích của nó. Sự quán thấy sâu xa (vipassana) phát sinh từ cách luyện tập đó, thế nhưng không phải là vì hình ảnh mà mình quán thấy tự nó là một hình ảnh siêu nhiên, mà đúng hơn là vì mình nhìn nó vừa là rất thật (real) nhưng cũng vừa là không thật (unreal). Trong khi đang luyện tập, thì hình ảnh mang một sức sống thật mãnh liệt và sinh động, thế nhưng đồng thời chúng ta cũng phải ý thức được hình ảnh ấy sở dĩ hiện ra với mình là nhờ vào sự lệ thuộc giữa nguyên nhân và điều kiện [mà có], do đó không hoàn toàn là thật (*sự lệ thuộc giữa nguyên nhân và điều kiện là một cách nói khác về nguyên lý tương liên, tương kết và tương tạo giữa mọi hiện tượng - pratityasamutpada / conditioned co-production hay lý duyên khởi - và do đó sẽ không hẳn hoàn toàn là thật. Nếu suy nghĩ theo cách đó thì chúng ta sẽ hiểu rằng các khái niệm "thật" và "không thật", cả hai đều không đủ để mô tả "hiện thực", bởi vì "hiện thực" vượt lên trên "thật" và "không thật", cả sự "hiện hữu" cũng như "phi hiện hữu". Nhà sư Sangharakshita giải thích hiện thực và sự trống*

không của các hiện tượng thật tài tình, rất trực tiếp và dễ hiểu). Đây là cách mà chúng ta thực hiện được sự thật (*quán thấy được bản chất của hiện thực*) dựa vào một số các công thức khái niệm, và ở cấp bậc trí thức các công thức này thật ra cũng chỉ là các hình ảnh phản chiếu từ hiện thực siêu nhiên mà chính nó muốn nêu lên. Trên đây là quá trình diễn tiến thông thường nhất. Chúng ta không thể trực tiếp chuyển sự nhận thức sang sự quán thấy sâu xa (vipassana) mà phải luôn trải qua một giai đoạn trung gian mang tính cách công thức (*một chiếc lá rơi, nhiều chiếc lá rơi, đưa đến sự quán thấy bản chất vô thường của thế giới. Sự quán thấy các ảnh tượng, thiêng liêng hàm chứa một sự sinh động rất thật, thế nhưng các ảnh tượng đó cũng phải do điều kiện mà có, sự quán thấy đó sẽ đưa đến sự "thực hiện" về sự thật của hiện thực. Trong phân đoạn trên đây đường như nhà sư Sangharakshita đã dựa phần nào vào nền tảng của phép thiền định quán tưởng của Tây Tạng*).

Thiền định làm sáng tỏ tâm thức

Thiền định tự nó là một quá trình tạo ra sự minh mẫn cho tâm thức. Thật thế người ta không thể nào tách rời thiền định và sự suy nghĩ minh bạch. Trong tất cả các trào lưu Phật giáo đều thấy nêu lên nhiều người bình dị, dù không có một năng khiếu trí thức hay văn hóa nào cả, nhưng vẫn đạt được sự quán thấy sâu xa (vipassana). Trong hầu hết các trường hợp đó, sở dĩ họ thực hiện được sự quán thấy ấy là nhờ vào phép thiền định giúp họ loại bỏ ra khỏi con người của họ tất cả mọi thiên kiến (bias) do tâm thức tạo dựng, cùng tất cả mọi xu hướng (tendency), mọi định kiến (preconception), kể cả các thành kiến (prejudice) và các sự gò bó (conditioning) trong lãnh vực tâm lý và cả văn hóa.

Phép thiền định không những gồm chung samatha-bhavana tức là thể dạng tĩnh lặng (*samatha là thể dạng thanh thân của tâm thức; bhavana có nghĩa là phát huy, triển khai hay mở rộng*) mà còn gồm cả vipassana-bhavana (*vipassana là sự quán thấy sâu xa hay xuyên thấu*). Nhờ vào samatha-bhavana có nghĩa là qua các sự cảm nhận về các thể dạng dhyana ("*định*") chúng ta sẽ tinh khiết hóa được trí thông minh của mình, giúp nó nhận thức được các sự nhận định (*formulation / các hình thức lập luận thuộc lãnh vực trí thức*) mang tính cách khái niệm gọi lên bởi các sự hiểu biết có sẵn do các sự nhận định thiết lập từ các truyền thống lâu đời

hoặc cũng có thể là do nó tự tạo ra các công thức khái niệm ấy cho chính nó, với mục đích làm bàn đạp đưa đến sự quán thấy sâu xa (*phép thiền định gồm có hai cấp bậc hay hai giai đoạn là: samatha là sự tập trung sự chú tâm và vipassana là cách mở rộng sự quán thấy sâu xa. Trên phương diện thực hành thì cấp bậc thứ nhất tức là sự tập trung tâm thức, sẽ tinh khiết hóa trí thông minh của mình, có nghĩa là không còn suy nghĩ lang bang và bấn loạn nữa; cấp bậc thứ hai là trí thông minh sau khi đã được tinh khiết hóa sẽ căn cứ vào các sự hiểu biết mang tính cách khái niệm có sẵn từ trước, hoặc tự nó tạo ra cho nó, để làm đà giúp nó nhảy vọt, hầu đạt được một sự hiểu biết sâu xa và cao hơn chính nó, là vipassana*).

Phép thiền định mà tôi muốn nêu lên là một sự phối hợp giữa samatha và vipassana, và đó cũng là sự hợp nhất giữa các xúc cảm đã được tinh khiết hóa (*không còn bị bấn loạn bởi các xúc cảm hận thù, lo sợ, thèm khát, v.v.*) và trí thông minh đã được trong sáng hóa (*không còn hoang mang, u mê, lầm lẫn, v.v.*). Phật giáo gọi thể dạng này là *cinta-mayiprajna* (*cinta có nghĩa là sự suy nghĩ, mayi là phát sinh, prajna là trí tuệ*) có nghĩa là "trí tuệ phát sinh từ sự suy nghĩ", nhờ vào sự phối hợp giữa sự tích cực của các xúc cảm tạo ra bởi thể dạng dhyana (*sự tập trung tâm thức*) và bốn brahma-vihara (*bốn thể dạng vô biên của tâm thức, kinh sách Hán ngữ gọi là "tứ vô lượng tâm": 1-tình thương yêu / maitri, 2-lòng từ bi / karuna, 3-niềm hân hoan / mudita, 4-sự thanh thân / upeksa, còn gọi là "xả"*). Sự phối hợp đó sau khi được phát huy và nâng lên cấp bậc cao nhất, sẽ làm hiển hiện sự quán thấy sâu xa (*sự quán thấy xuyên thấu và sâu xa / insight / vue pénétrante / vipassana / sự giác ngộ*). Vì thế sự quán thấy sâu xa vừa là một sự cảm nhận mang tính các xúc cảm (emotional experience) nhưng cũng vừa là một sự cảm nhận trong lãnh vực trí thức (intellectual experience). Người ta có thể bảo rằng Phật giáo đồng nghĩa với hai thứ ấy, tức là sự tích cực của xúc cảm và sự trong sáng của trí thông minh. Hai thứ ấy ở cấp bậc cao nhất của chúng sẽ trở thành lòng từ bi (*xúc cảm*) và trí tuệ (*trí thông minh, khả năng nhận thức*), và ở vào cấp bậc đó cả hai, dù khác nhau, nhưng không thể tách rời nhau (*lòng từ bi không thể nào hiển lộ được nếu không có trí tuệ giúp quán thấy sự khổ đau mênh mông và cùng khắp của chúng sinh, trí tuệ không thể nào phát sinh được nếu không có sức mạnh vô biên của lòng từ bi thúc đẩy*).

Sự trong sáng thuộc lãnh vực trí thức

Chúng ta không thể nào tạo được cho mình sự trong sáng trí thức bằng cách ra sức học hỏi, chẳng hạn như đọc sách thật nhiều và biến mình thành một nhà trí thức. Thật vậy, say mê lý thuyết là một điều bất lợi, đó là cách tạo ra các ý nghĩ mơ hồ (*nebulous / hoang tưởng, u mê, lơ mờ, hãy nêu lên một thí dụ cụ thể, chẳng hạn như trên phương diện chính trị sự bám víu vào một chủ nghĩa hay một chính thể sẽ đưa dân đến chỗ hoang mang, chẳng biết mình muốn gì, ngoài sự bám víu vào chủ nghĩa mà mình chủ xướng cùng các phương tiện truyền để bào chữa cho sự bám víu đó, kết quả tạo ra là một tình trạng độc đoán đơn thuần và vô nghĩa*). Càng tìm hiểu triết học và lý thuyết Phật giáo, càng cố gắng gom góp tòi đa sự hiểu biết về Phật giáo, càng nhanh càng tốt, thì chỉ là cách càng tạo ra cho mình tình trạng bội thực trí thức nặng nề hơn mà thôi. Nhiều cách diễn giải tân tiến ngày nay về Phật giáo với quá nhiều khái niệm, tư duy và triết học, khiến nhiều người có cảm giác Phật giáo là một cái gì đó nhất thiết thuộc vào lãnh vực trí thức, kể cả có thể xem như một thứ trí thức gây áp lực (*oppressive / accablant*). Điều đó chẳng khác gì như tình trạng nếu muốn hiểu được Phật giáo thì phải theo học thật chuyên cần các khóa giảng dạy về lô-gic học, siêu hình học và luận thuyết học (*epistemology*). Thế nhưng tại Ấn độ vào các thời kỳ xa xưa, khi việc giảng dạy tâm linh vẫn còn hoàn toàn bằng cách truyền khẩu, thì mọi người chỉ cần tiếp nhận đúng những gì cần thiết cho trường hợp của mình vào một thời điểm nhất định nào đó. Trong bối cảnh này, thật hiển nhiên bạn sẽ chẳng có một quyển sách nào mô tả các giai đoạn thăng tiến trên đường Giác ngộ để đọc và tìm hiểu. Trong tình trạng đó có thể bạn cũng sẽ chẳng có một ý niệm gì về sự Giác ngộ cả. Bạn tìm đến một vị thầy, sau vài câu trao đổi, hoặc chỉ cần nhìn bạn từ đầu đến chân, thì vị thầy có thể sẽ nói với bạn như sau: "Hãy cứ về luyện tập đúng như thế này". Bạn quay về nhà và luyện đúng như thế, sau đó - có thể là nhiều năm - sau khi bạn đã thành thực về phép luyện tập ấy thì vị thầy sẽ giảng tiếp cho bạn một số những lời giáo huấn khác để bạn tiếp tục việc luyện tập của mình. Không có một ai nêu lên với bạn một sự nhận định nào về lý thuyết cả.

Trái lại trong bối cảnh ngày nay, lúc nào người ta cũng tìm cách nêu lên với các bạn các sự nhận định về lý thuyết. Vậy chúng ta phải có thái độ

như thế nào trước vô số các lý thuyết Phật giáo đang bủa vây mình? Giải pháp có thể là "càng thêm và càng bớt", nói một cách khác là chỉ nên tập trung vào thật ít kinh sách và các lời giảng huấn, kể cả việc tìm hiểu Dharma, trái lại phải phát huy thật nhiều và thật sâu các cảm nhận của mình trong lúc luyện tập, qua sự suy tư và các thắc mắc của mình. Trên thực tế các sự suy tư và thắc mắc đó phải đích thật (*cụ thể và hữu ích*). Các sự suy tư và các thắc mắc nêu lên phải là của mình (*liên hệ đến bối cảnh và trình độ tu tập của mình*), không phải chỉ đơn giản là một cách dàn xếp lại các khái niệm (*rearrangement of concepts / tìm cách bào chữa cung cách tu tập của mình*). Một thắc mắc đúng thật chỉ có thể hiện lên từ sự cảm nhận của chính mình và từ những sự xung đột bên trong chính mình.

"Sách vở và chữ nghĩa nếu không mang ra thực hành thì hãy vứt bỏ đi!"

Câu phát biểu trên đây là của vị đại sư Padmasambhava (717-762, *sinh trưởng trong thung lũng Swat thuộc xứ Pakistan ngày nay, là một vị đại sư đầu tiên đã mang Phật giáo vào Tây Tạng*)

Nền văn hóa Tây phương dù là thế nào thì cũng cứ mặc (*bài giảng này là dành cho người Tây phương với chú ý nhắc nhở họ không nên quá quan tâm đến các ảnh hưởng từ nền văn hóa mang tích cách phân tích và mô xẻ của họ*), ước mong của chúng ta ít nhất là tạo được cho mình một tầm nhìn bao quát về tất cả mọi lãnh vực. Thế nhưng sau đó thì phải trở về với thực trạng của mình (*với con người của chính mình*) để luyện tập và học hỏi thích nghi hơn với quan điểm đó (*conception / quan niệm, sự nhận định, có nghĩa là tình trạng và sự thăng tiến của mình trên con đường mà mình đã chọn*).

Ngôn ngữ của các huyền thoại và biểu tượng

Đức Phật giảng dạy bằng cách mượn ngôn ngữ thật trong sáng của sự phân tích khái niệm, thế nhưng đôi khi Ngài cũng sử dụng một thứ ngôn ngữ khác để truyền đạt Dharma, chẳng hạn như học phái Zen nêu lên trường hợp Đức Phật đứng giữa một đại hội đông đủ các tỳ-kheo, thế nhưng Ngài không thốt lên một lời nào cả mà chỉ đưa lên một cánh hoa vàng. Trong số tất cả các tỳ-kheo hiện diện, duy nhất chỉ có Mahakasyapa (Ma-ha Ca-diếp) là hiểu được những gì mà Đức Phật muốn truyền đạt, và đã đáp lại bằng một nụ cười. Người ta cho rằng Phật

giáo Zen được hình thành từ đó và được truyền sang các vùng Viễn đông, và nhờ đó hàng trăm vị thầy đã đạt được giác ngộ. Trào lưu này không phát sinh từ một hệ thống triết học hay những bài thuyết giảng dông dài nào cả mà là từ một hành động đơn giản: đưa cao một cánh hoa vàng. Thế nhưng bên trong cánh hoa đó người ta có thể nhận thấy trí tuệ của toàn thể chư Phật. Mahakkasyapa hiểu được điều đó và vì thế đã mỉm cười. Mahakasyapa có thể nghĩ rằng Đức Phật trong suốt cuộc sống của mình, chưa từng làm được một điều gì khác tuyệt vời hơn là cử chỉ đưa lên một cánh hoa vàng, và cánh hoa đó vẫn còn tiếp tục truyền lại vẻ đẹp của nó cho đến ngày nay (*hình ảnh biểu trưng cho một huyền thoại hay một biểu tượng cũng là một thứ ngôn ngữ tương tự như chữ nghĩa trong kinh sách*).

Tâm quan trọng (*dimension / kích thước, tác động*) của phương cách truyền đạt đó có thể là khá xa lạ, thế nhưng đã khiến chúng ta không khỏi đắm mình trong các truyền thuyết, huyền thoại và biểu tượng, giúp chúng ta tập tành và học hỏi về thứ ngôn ngữ đó, và biết đâu cũng có thể nói được cả ngôn ngữ đó. Cả hai phương cách truyền đạt trên đây (*ngôn ngữ âm thanh và ngôn ngữ hình ảnh*) đều vô cùng quan trọng, mang lại cho chúng ta sự hiểu biết và tạo ra cho chúng ta các cảm nhận về hai thể dạng hoàn hảo (paramita) thứ năm và thứ sáu là dhyana ("*thiền-na*", "*định*", "*chánh niệm*", *tức là samatha, hay thể dạng cô đọng, thăng bằng và bình lặng của tâm thức*) và prajna (*tức là trí tuệ hay sự hiểu biết sâu xa và siêu việt*).

Vài lời ghi chú của người chuyên ngữ

Bài giảng của nhà sư Sangharakshita đưa chúng ta từ sự hiểu biết trí thức dựa vào các khái niệm và công thức đến sự hiểu biết vững chắc, tinh khiết, sâu xa và mở rộng, nhờ vào hai giai đoạn thiền định là samatha là sự tập trung tâm thức và vipassana là sự quán thấy sâu xa về thế giới. Sự quán thấy đó lại tiếp tục giúp chúng ta "thực hiện được sự thật của hiện thực", đưa chúng ta trực diện với ngưỡng cửa của sự Giác ngộ.

Bures-Sur-Yvette, 16.04.21

Hoang Phong chuyên ngữ

(còn tiếp)

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Mối Tình Có Duyên

Vua Kinh có một người thiếp rất xinh đẹp mà vua đặc biệt sủng ái. Hoàng hậu thấy vậy cũng đem lòng yêu mến cung chịu mỹ nhân này như con gái yêu của mình. Một hôm hoàng hậu bảo người thiếp:

- Bệ hạ bảo em rất xinh đẹp, duy có chiếc mũi hơi thô. Nếu em tìm cách che mũi đi mỗi khi diện kiến ngài thì chắc bệ hạ sẽ yêu em hơn.

Thiếu nữ ngây thơ tin lời. Mỗi khi gặp mặt vua, nàng thường dùng một chiếc khăn lụa che mũi. Vua trông thấy thế ngạc nhiên hỏi hoàng hậu. Hoàng hậu nhất định không nói. Vua gạn hỏi mãi, bà mới thưa:

- Muôn tâu thần thiếp nghe cô ta bảo rằng mồ hôi của bệ hạ có mùi khó ngửi quá! Xin bệ hạ rộng lòng dung thứ cho...

Vua nổi giận lôi đình, truyền cắt mũi mỹ nhân. Hoàng hậu chỉ chờ có thế, liền sai một người tâm phúc đang chực sẵn, thi hành ngay mệnh lệnh.

Nàng ái thiếp bị thất sủng từ đó.

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368